Quản lý và bảo tồn động vật hoang dã tại Việt Nam

Từ chính sách đến thực tiễn

Nguyễn Thị Vân Anh
Nguyễn Thị Thủy Anh
Phạm Thu Thủy
Tăng Thị Kim Hồng

RESEARCH
PROGRAM ON
Forests, Trees and
Agroforestry

Quản lý và bảo tồn động vật hoang dã tại Việt Nam

Từ chính sách đến thực tiễn

Nguyễn Thị Vân Anh
Đại học Quốc Gia Hà Nội

Nguyễn Thị Thủy Anh
Học viện Ngoại giao

Phạm Thu Thủy
Tổ chức Nghiên cứu Lâm Nghiệp quốc tế

Tăng Thị Kim Hồng
Đại học Nông Lâm – Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo kỹ thuật 275

© 2021 Tổ chức Nghiên cứu Lâm nghiệp Quốc tế (CIFOR)

Nội dung trong ấn phẩm này được cấp quyền bởi Giấy phép bản quyền Ghi nhận công của tác giả - Phi thương mại, không chỉnh sửa, thay đổi hay phát triển - Không phái sinh 4.0. <http://creativecommons.org/licenses/by-nc-nd/4.0/>

DOI: 10.17528/cifor/008315

Nguyễn TVA, Nguyễn TTA, Phạm TT và Tăng TKH. 2021. *Quản lý và bảo tồn động vật hoang dã tại Việt Nam: Từ chính sách đến thực tiễn*. Báo cáo kỹ thuật 275. Bogor, Indonesia: CIFOR.

CIFOR

Jl. CIFOR, Situ Gede
Bogor Barat 16115
Indonesia

T +62 (251) 8622-622

F +62 (251) 8622-100

E cifor@cgiar.org

cifor.org

Chúng tôi xin cảm ơn các nhà tài trợ đã hỗ trợ cho nghiên cứu này thông qua việc đóng góp vào quỹ của CGIAR. Xin xem danh sách các nhà tài trợ: <http://www.cgiar.org/about-us/our-funders/>

Tất cả các quan điểm thể hiện trong ấn phẩm này là của các tác giả. Chúng không nhất thiết đại diện cho quan điểm của CIFOR, các cơ quan chủ quản của tác giả hay của các nhà tài trợ cho ấn phẩm này.

Mục lục

Lời cảm ơn	v
1 Mở đầu	1
2 Hệ thống pháp luật liên quan đến quản lý và bảo tồn động vật hoang dã	2
2.1 Chính sách ngành lâm nghiệp	2
2.2 Chính sách ngành thủy sản	9
2.3 Các quy định chính sách của ngành Tài nguyên Môi trường	14
2.4 Các chính sách đầu tư	17
2.5 Các quy định luật pháp về tổ tụng hình sự và xử lý vi phạm	18
2.6 Các chính sách xuất nhập khẩu	26
2.7 Quy định, chính sách của ngành Chăn nuôi, Thú y	29
2.8 Các Công ước Quốc tế liên quan đến Động vật Hoang dã mà Việt Nam tham gia, ký kết	30
3 Cơ hội về quản lý và bảo tồn động vật hoang dã	34
3.1 Chính phủ dành nhiều sự quan tâm hơn đối với các hoạt động bảo vệ động vật hoang dã	34
3.2 Bảo tồn đa dạng sinh học và động vật hoang dã nhận được hỗ trợ của nhiều tổ chức trong nước và quốc tế	35
3.3 Những nguồn tài chính mới để bảo tồn Động vật hoang dã bền vững	35
3.4 Nhận thức của người dân về bảo tồn đa dạng sinh học và động vật hoang dã đã được cải thiện	35
4 Thách thức trong việc thực các chính sách liên quan đến quản lý và bảo tồn động vật hoang dã	36
4.1 Hệ thống quản lý Khu bảo tồn và Vườn Quốc Gia và quá trình thực hiện công hoạt động bảo tồn đa dạng sinh học còn gặp nhiều khó khăn	36
4.2 Quản lý các hoạt động buôn bán động vật hoang dã hợp pháp	37
4.3 Quản lý buôn bán động vật hoang dã bất hợp pháp tại Việt Nam	39
4.4 Danh mục các loài động vật hoang dã chưa được thống nhất	41
4.5 Các quy định thiếu nhất quán trong việc xuất nhập khẩu động vật hoang dã	43
4.6 Chưa có sự thống nhất về hình thức xử phạt Buôn bán Động vật Hoang dã và mức phạt còn thấp chưa mang đủ tính răn đe	44
4.7 Nhiều Cơ quan Nhà Nước cùng có chức năng, trách nhiệm chồng chéo trong Hoạt động điều tra, quản lý Hoạt động Buôn bán Động vật Hoang dã	44
4.8 Hạn chế trong việc Thực thi Khởi tố các vụ án về Buôn bán Động vật Hoang dã trái phép	45
4.9 Thiếu sự hợp tác, trao đổi thông tin giữa các cơ quan liên quốc gia	45
4.10 Thiếu Nguồn lực qua đào tạo để thực hiện việc điều tra, quản lý Hoạt động Buôn bán Động vật Hoang dã	45
4.11 Nhu cầu sử dụng sản phẩm từ ĐVHD vẫn còn cao	46
4.12 Quản lý trang trại động vật hoang dã không bền vững.	46
4.13 Giám sát, báo cáo và xác minh kém hiệu quả.	46
5 Đề xuất	47
Tài liệu tham khảo	49

Danh sách hình và bảng

Hình

1	Các chính sách liên ngành về động vật hoang dã	2
2	Số lượng vụ vi phạm pháp luật về buôn bán động vật hoang dã tại Việt Nam giai đoạn 2015- 2020	36
3	Số cá thể động vật hoang dã được nhập khẩu theo số liệu báo cáo của các quốc gia khác nhập khẩu từ Việt Nam	37
4	Số cá thể động vật hoang dã được nhập khẩu theo số liệu báo cáo của Việt Nam	37
5	Nguồn gốc của các cá thể Động vật có vú được xuất, nhập khẩu theo báo cáo của Việt Nam	38
6	Nguồn gốc của các cá thể bò sát được xuất, nhập khẩu theo báo cáo của Việt Nam	38
7	Nguồn gốc của các cá thể cá được xuất, nhập khẩu theo báo cáo của Việt Nam	39
8	Hình thức vận chuyển của các vụ Buôn bán Động vật Hoang dã bất hợp pháp (2015-2020)	39
9	Tổng số vụ án qua các tỉnh trong 6 năm (2015-2020)	40
10	Số vụ án được báo cáo lại ở các tỉnh (2015-2020)	40
11	4 loài động vật buôn bán trái phép nhiều nhất trong giai đoạn 2018 - 2020	41
12	Quy trình nhập khẩu, xuất khẩu	43
13	Quy trình tái xuất	43
14	Quy trình nhập nội	43

Bảng

1	Một số chính sách chủ đạo về quản lý buôn bán động vật hoang dã của ngành lâm nghiệp	3
2	Chính sách quản lý bảo tồn động vật hoang dã liên quan đến ngành thủy sản	9
3	Chính sách bảo tồn Động vật hoang dã liên quan đến ngành Tài nguyên Môi trường	14
4	Chính sách bảo tồn động vật hoang dã liên quan đến ngành Đầu tư	17
5	Chính sách bảo tồn Động vật hoang dã liên quan trong các quy định về tổ tụng hình sự và xử lý vi phạm	18
6	Chính sách bảo tồn Động vật hoang dã liên quan đến chính sách xuất nhập khẩu	26
7	Chính sách bảo tồn Động vật hoang dã liên quan đến chính sách Chăn nuôi, thú y	29
8	Chính sách Bảo tồn Động vật hoang dã được quy định trong các Công ước Quốc tế Việt Nam tham gia ký kết	30
9	Quy định danh mục các loài động vật hoang dã	42
10	So sánh các hình thức xử lý buôn bán động vật trái phép được quy định trong luật	44

Lời cảm ơn

Nghiên cứu này được tài trợ bởi Trung tâm COVID-19, Chương trình Nghiên cứu CGIAR về Rừng, Cây và Nông lâm kết hợp (FTA), Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (USAID) và Viện Nghiên cứu Chính sách Lương thực Quốc tế (IFPRI).

1 Mở đầu

Việt Nam là một trong những quốc gia có mức độ đa dạng sinh học cao nhất thế giới với hơn 11.000 loài thực vật bậc cao có mạch, 1.000 loài rêu, 310 loài động vật có vú, 840 loài chim, 296 loài bò sát, 192 loài lưỡng cư, trên 700 loài cá nước ngọt và khoảng 2.000 loài cá nước mặn (MARD 2008). Người Việt cũng có truyền thống sử dụng các sản phẩm từ động vật hoang dã làm thức ăn và thuốc chữa bệnh (Chính phủ Việt Nam 2004, Workman 2004). Bên cạnh đó, do nền kinh tế Việt Nam còn chưa phát triển, khoảng 25 triệu người sống dựa vào lâm sản và 8 triệu người kiếm sống bằng nghề đánh cá (World Bank 2005), dẫn đến việc săn bắt, chăn nuôi và buôn bán động vật hoang dã ở quy mô nhỏ do vậy rất khó kiểm soát.

Kể từ năm 1986, Việt Nam đã bắt đầu có hoạt động buôn bán động vật hoang dã ra quốc tế và dần trở thành một trong những thị trường tiêu thụ và mất xích quan trọng của đường dây buôn lậu Động vật hoang dã trên thế giới do có đường biên giới đất liền trải dài, có nhiều cảng biển nước sâu thuận lợi cho việc lưu thông hàng hóa quốc tế và khu vực (WWF 2016, MARD 2018). Cùng với sự phát triển của Kinh tế, thu nhập của người dân ngày càng gia tăng dẫn đến nhu cầu sử dụng các sản phẩm nội thất, thời trang, thuốc, thực phẩm xa xỉ làm từ các sản phẩm của động vật hoang dã tăng lên, tạo nên nguồn cầu lớn thúc đẩy các hoạt động buôn bán động vật hoang dã ngày càng phát triển (MARD 2018). Chính vì thế, đa dạng sinh học tại Việt Nam chứng kiến một sự suy giảm lớn, nhiều loài sinh vật tuyệt chủng hoặc đứng trước nguy cơ bị tuyệt chủng. Số loài sinh vật hoang dã thuộc Danh sách Đỏ của Việt Nam tăng gấp đôi trong gần 20 năm (1992 - 2016) (The National Assembly 2019), nhiều loài sinh vật (cả thực vật và động vật) đứng trước nguy cơ tuyệt chủng và đã tuyệt chủng tại Việt Nam.

Đứng trước sự suy giảm nghiêm trọng về đa dạng sinh học này, Chính phủ Việt Nam đã có những biện pháp quyết liệt như ban hành những chính sách, văn bản quy phạm pháp luật để ngăn chặn tình trạng săn bắt và buôn bán các loài động thực vật hoang dã như và trở thành quốc gia thành viên thứ 121 ký Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp (CITES) vào năm 1994. Trong hai năm gần đây, do ảnh hưởng của dịch Covid 19, Việt Nam đã quyết tâm hơn trong việc ngăn chặn Hoạt động buôn bán Động vật Hoang dã không chỉ để tránh sự lây lan dịch bệnh trong nước mà còn góp phần bảo vệ sự đa dạng sinh học đang ngày càng suy giảm. Tuy vậy, tình trạng buôn bán Động vật hoang dã tại Việt Nam diễn ra ngày càng nghiêm trọng và phức tạp với quy mô cùng số lượng lớn (RILO A/P 2014) với sự tham gia của các nhóm buôn lậu có tổ chức tham gia với nhiều phương thức thủ đoạn tinh vi, liều lĩnh hơn (EIA 2021).

Trước bối cảnh quốc tế, khu vực, quốc gia và địa phương ngày càng phức tạp, Việt Nam đang nỗ lực hoàn thiện hành lang pháp lý và nâng cao hiệu quả của chính sách quản lý và bảo tồn động vật hoang dã. Ngoài việc đảm bảo các chính sách quốc gia hài hòa với khung pháp lý quốc tế và khu vực, việc đánh giá hiệu quả thực hiện chính sách, phân tích cơ hội và thách thức cho việc quản lý và bảo tồn chính động vật hoang dã từ đó hoàn thiện hệ thống văn bản pháp lý, gỡ bỏ các rào cản nâng cao hiệu quả chính sách. Dựa vào rà soát tài liệu thứ cấp và phỏng vấn với chuyên gia, báo cáo này được thực hiện với 3 mục tiêu chính:

- Rà soát các văn bản hiện hành liên quan đến quản lý và bảo tồn động vật hoang dã tại Việt Nam
- Đánh giá tính hiệu quả thực hiện các chính sách này
- Đề xuất định hướng chính sách nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện các chính sách quản lý và bảo tồn động vật hoang dã và đảm bảo đời sống của người dân

2 Hệ thống pháp luật liên quan đến quản lý và bảo tồn động vật hoang dã

Hình 1 và Bảng 1 cung cấp bức tranh tổng quan về hành lang pháp lý và quy định về quản lý và bảo tồn động vật hoang dã tại Việt Nam

Hình 1: Các chính sách liên ngành về động vật hoang dã

2.1 Chính sách ngành lâm nghiệp

Ngành lâm nghiệp đã thông qua nhiều chính sách liên quan đến việc quản lý và bảo tồn động vật hoang dã (Bảng 1). Những chính sách này tập trung vào việc quản lý trang trại nuôi động vật hoang dã bền vững và nâng cao thực thi pháp luật trong việc quản lý các vi phạm pháp luật liên quan vận chuyển, tàng trữ, mua bán, gây nuôi động vật hoang dã. Với vai trò chủ đạo chịu trách nhiệm về ngành lâm nghiệp, Bộ Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn đã tham mưu Chính phủ xây dựng và thực thi các chính sách theo các cấp độ hướng dẫn và quy định của một ngành nói riêng và sự liên ngành phối hợp giữa các cơ quan nhà nước nói chung.

Bảng 1: Một số chính sách chủ đạo về quản lý buôn bán động vật hoang dã của ngành lâm nghiệp

Năm	Tên chính sách	Nội dung	Cơ quan chịu trách nhiệm
2017	Luật Lâm Nghiệp	<p>Điều 9. Cấm săn, bắt, nuôi, nhốt, giết, tàng trữ, vận chuyển, buôn bán động vật, thu thập các loài thực vật rừng, động vật rừng trái với quy định pháp luật và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.</p> <p>Điều 72. Quản lý thương mại lâm sản và kinh doanh mẫu vật các loài thực vật rừng, động vật rừng</p> <ul style="list-style-type: none"> Cấp giấy phép, giấy chứng nhận đối với lâm sản xuất khẩu, nhập khẩu phù hợp với điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; Việc xuất khẩu, nhập khẩu, tạm nhập, tái xuất, tái nhập, quá cảnh mẫu vật các loài thực vật rừng, động vật rừng vì mục đích thương mại phải tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam và Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp Kinh doanh mẫu vật các loài thực vật rừng, động vật rừng Kinh doanh mẫu vật các loài thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm; các loài thực vật hoang dã, động vật hoang dã đã thuộc Phụ lục của Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp <p>Phải đảm bảo truy xuất nguồn gốc và quản lý theo chuỗi từ khai thác, trồng cây, gây nuôi chế biến và tiêu dùng</p> <p>Phải được đánh dấu xác định nguồn gốc hợp pháp phù hợp với tính chất và chủng loại của từng loại mẫu vật, bảo đảm chống làm giả hoặc tẩy xóa</p>	<p>Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và quy định trình tự, thủ tục, hồ sơ truy xuất nguồn gốc và đánh dấu mẫu vật các loài và là cơ quan đầu mối giúp Chính phủ thực hiện và phối hợp Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Tài nguyên và Môi trường, các Bộ, cơ quan ngang Bộ trong việc quản lý Nhà nước về lâm nghiệp</p> <p>Kiểm lâm. Có chức năng quản lý, bảo vệ rừng, bảo đảm chấp hành pháp luật về lâm nghiệp; là lực lượng chuyên ngành về phòng cháy và chữa cháy rừng</p>
2018	Nghị định 156/2018/NĐ-CP về hướng dẫn luật Lâm nghiệp	<p>Điều 20. Khi Khai thác lâm sản trong rừng tự nhiên thì phải đảm bảo duy trì sự phát triển bền vững của khu rừng, sản lượng loài khai thác không được lớn hơn lượng tăng trưởng của loài đó; sau khi khai thác không làm ảnh hưởng chức năng phòng hộ của rừng</p> <p>Điều 80 và Điều 81. Kinh phí để chống kinh doanh, vận chuyển lâm sản trái phép; đào tạo nguồn nhân lực cho việc bảo vệ và phát triển rừng đến cấp tỉnh và hỗ trợ các hoạt động khác liên quan đến bảo vệ và phát triển rừng được hỗ trợ từ Quỹ Trung ương và Quỹ cấp tỉnh</p>	<p>Nhà nước sẽ đầu tư, hỗ trợ đầu tư và ưu đãi đầu tư các chương trình, dự án và hoạt động bảo vệ và phát triển rừng, chế biến và thương mại lâm sản</p>

Xem tiếp ở trang sau

Bảng 1: Tiếp trang trước

Năm	Tên chính sách	Nội dung	Cơ quan chịu trách nhiệm
2019	Nghị định 01/2019/NĐ-CP về kiểm lâm và lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng	<p>Quy định chi tiết về nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức, trang bị bảo đảm hoạt động và chế độ, chính sách đối với Kiểm lâm; nhiệm vụ, quyền hạn và bảo đảm hoạt động của Lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng của chủ rừng.</p> <p>Cơ quan Kiểm lâm. Tham mưu về quản lý nhà nước về lâm nghiệp: xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, chương trình, kế hoạch, phương án, đề án về quản lý, bảo vệ rừng, phòng cháy và chữa cháy rừng, bảo đảm chấp hành pháp luật về lâm nghiệp. Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra công tác, tổ chức thực hiện các biện pháp quản lý, bảo vệ rừng, phòng cháy và chữa cháy rừng, bảo đảm chấp hành pháp luật về lâm nghiệp. Trong đó có tổ chức đấu tranh, phòng ngừa, ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật khai thác, sử dụng, vận chuyển, mua bán, kinh doanh, cất giữ, chế biến lâm sản theo quy định của pháp luật; hoạt động gây nuôi, trồng cây các loài thực vật rừng, động vật rừng; xác minh, truy xuất, xác nhận nguồn gốc lâm sản; xử lý vi phạm hành chính và áp dụng các biện pháp ngăn chặn hành vi vi phạm hành chính; khởi tố, điều tra vụ án hình sự hành vi vi phạm pháp luật về lâm nghiệp theo quy định của pháp luật.</p> <p>Lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng. Tuân tra, kiểm tra bảo vệ rừng, ngăn chặn các hành vi phá rừng, khai thác lâm sản và các hành vi vi phạm pháp luật khác về quản lý, bảo vệ rừng thuộc phạm vi diện tích được giao. Kịp thời báo cáo với chủ rừng và cơ quan Kiểm lâm về tình hình bảo vệ rừng; chấp hành sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp của chủ rừng và kiểm tra, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của cơ quan Kiểm lâm; chấp hành nghiêm túc các quy định của pháp luật trong khi làm nhiệm vụ. Kiểm tra, ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật về quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, quản lý lâm sản; lập biên bản kiểm tra ban đầu, bảo vệ hiện trường, bảo quản tang vật vi phạm, kịp thời báo cáo với người, cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.</p>	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Chỉ đạo thống nhất về chuyên môn nghiệp vụ, thanh tra, kiểm tra hoạt động của Kiểm lâm trên phạm vi toàn quốc. Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, các bộ, ngành có liên quan phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Xem tiếp ở trang sau

Bảng 1: Tiếp trang trước

Năm	Tên chính sách	Nội dung	Cơ quan chịu trách nhiệm
2019	Nghị định 06/2019/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2019 về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về Buôn bán Quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp	<p>Nghị định này được ban hành với mục đích kiện toàn thêm các Quy định về Danh mục các loài thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm; chế độ quản lý, bảo vệ, trình tự, thủ tục khai thác các loài thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm; nuôi động vật rừng thông thường và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp (CITES) tại Việt Nam.</p> <p>Nghị định này phân loại các loài động vật hoang dã thành 02 nhóm:</p> <ul style="list-style-type: none"> Nhóm IB: Các loài động vật rừng bị đe dọa tuyệt chủng nghiêm cấm khai thác, sử dụng vì mục đích thương mại và các loài thuộc Phụ lục I CITES phân bố tự nhiên tại Việt Nam Nhóm IIB: Các loài động vật rừng chưa bị đe dọa tuyệt chủng nhưng có nguy cơ bị đe dọa nếu không được quản lý chặt chẽ, hạn chế khai thác, sử dụng vì mục đích thương mại và các loài thuộc Phụ lục II CITES phân bố tự nhiên tại Việt Nam <p>Để buôn bán các loài Động vật hoang dã phải có giấy phép và chứng chỉ của CITES ghi đầy đủ thông tin, dán tem CITES hoặc mã vạch, ký và đóng dấu của Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam.</p> <p>Để nuôi dưỡng, bảo tồn các loài Động vật hoang dã thì phải có đủ các điều kiện sau: đảm bảo nguồn giống hợp pháp, chuồng, trại được xây dựng phù hợp với đặc tính của loài nuôi; bảo đảm các điều kiện an toàn cho người và vật nuôi, vệ sinh môi trường, phòng ngừa dịch bệnh, loài nuôi là loài được Cơ quan khoa học CITES Việt Nam công bố có khả năng sinh sản liên tiếp qua nhiều thế hệ trong môi trường có kiểm soát; và được Cơ quan khoa học CITES Việt Nam xác nhận bằng văn bản việc nuôi sinh sản, sinh trưởng không làm ảnh hưởng đến sự tồn tại của loài nuôi và các loài có liên quan trong tự nhiên. Bên cạnh đó, để quản lý, các loài trong cơ sở nuôi trồng phải đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng bởi Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam</p>	<p>Cơ quan có thẩm quyền CITES. Đại diện Việt Nam tham gia và đảm bảo thực hiện quyền và nghĩa vụ của nước thành viên CITES tại các cuộc Hội nghị các nước thành viên Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền trong thực thi CITES tại Việt Nam. Cấp, phát hành hoặc thu hồi giấy phép, chứng chỉ CITES. Hướng dẫn, cấp hoặc hủy mã số cơ sở nuôi trồng. Tổ chức kiểm tra các hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, tái xuất khẩu, nhập nội và quá cảnh các loài động vật hoang dã</p> <p>Cơ quan Khoa học CITES Việt Nam. Tư vấn cho Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES và các cơ quan liên quan về thực trạng quần thể, mức độ nguy cấp, quý, hiếm,... của ĐVHD và xây dựng hạn ngạch khai thác, cấp giấy phép và chứng chỉ CITES. Giám định mẫu Động vật hoang dã. Cứu hộ, chăm sóc mẫu vật sống, đảm bảo sinh cảnh và vùng phân bố phù hợp để thả động vật hoang dã.</p>

Xem tiếp ở trang sau

Bảng 1: Tiếp trang trước

Năm	Tên chính sách	Nội dung	Cơ quan chịu trách nhiệm
2021	Nghị định số 84/2021/NĐ-CP ngày 22/09/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi CITES với một số điểm mới	<p>Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp. Bổ sung, sửa đổi các Định nghĩa sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> Dẫn xuất của các loài động vật, thực vật là toàn bộ các dạng vật chất được chiết xuất ra từ động vật, thực vật, gồm: máu, xạ, dịch, mật, mỡ của động vật; nhựa, tinh dầu, dịch chiết từ thực vật.” Không vì mục đích thương mại là các hoạt động phục vụ ngoại giao, nghiên cứu khoa học, nhân nuôi bảo tồn, nuôi làm cảnh, cứu hộ, trao đổi giữa các vườn động vật, vườn thực vật, bảo tàng; triển lãm trưng bày giới thiệu sản phẩm; biểu diễn xiếc; trao đổi, trao trả mẫu vật giữa các cơ quan quản lý CITES” Động vật hoang dã, thực vật hoang dã là những loài động vật, thực vật sinh sống, phát triển trong sinh cảnh tự nhiên, nhân tạo hoặc loài động vật, thực vật được nuôi, trồng trong môi trường có kiểm soát nhưng không phải là vật nuôi theo quy định của pháp luật về chăn nuôi, thuộc một trong các trường hợp sau: <ul style="list-style-type: none"> a. Loài động vật, thực vật nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ; b. Loài thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm; c. Loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thuộc các Phụ lục của CITES; d. Loài động vật rừng thông thường; e. Loài động vật trên cạn khác thuộc lớp chim, thú, bò sát, lưỡng cư, trừ một số loài thuộc Danh mục do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan liên quan công bố. Nuôi sinh trưởng là hình thức nuôi giữ con, trứng, phôi của các loài động vật hoang dã để nuôi lớn, cho ấp nở thành các cá thể trong môi trường có kiểm soát.” Kiện toàn các quy định về nuôi, trồng động, thực vật hoang dã 	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Xem tiếp ở trang sau

Bảng 1: Tiếp trang trước

Năm	Tên chính sách	Nội dung	Cơ quan chịu trách nhiệm
		<p>Trong quá trình nuôi, trồng phải lập sổ theo dõi nuôi, trồng động, thực vật hoang dã; định kỳ báo cáo và chịu sự kiểm tra, giám sát của Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam, cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản, về lâm nghiệp, về môi trường cấp tỉnh</p> <p>Bổ sung thêm quy định về trình tự xác nhận nuôi trồng động, thực vật hoang dã. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký mã số cơ sở, Cơ quan cấp mã số theo quy định tại Nghị định này có trách nhiệm gửi văn bản đề nghị xác nhận đến Cơ quan khoa học CITES Việt Nam. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của Cơ quan cấp mã số, Cơ quan khoa học CITES Việt Nam có trách nhiệm trả lời bằng văn bản đối với nội dung xác nhận ảnh hưởng hoặc không ảnh hưởng của việc nuôi sinh sản, nuôi sinh trưởng đến sự tồn tại của loài nuôi và các loài khác có liên quan trong tự nhiên. Thay đổi hình thức thể hiện mã số cơ sở nuôi.</p> <p>Làm rõ Mẫu vật động vật xuất khẩu từ thế hệ F2 trở về sau được sinh sản tại cơ sở nuôi đã được cấp mã số và Mẫu vật động vật xuất khẩu từ thế hệ F1 từ cơ sở nuôi được cấp mã số</p> <ul style="list-style-type: none"> • Thay thế Danh mục Thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm ban hành kèm theo Nghị định số 06/2019/NĐ-CP bằng Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này. 	

Xem tiếp ở trang sau

Bảng 1: Tiếp trang trước

Năm	Tên chính sách	Nội dung	Cơ quan chịu trách nhiệm
2014, 2016, 2020	Chỉ thị số 03/CT-TTg về việc tăng cường chỉ đạo và thực hiện các biện pháp kiểm soát, bảo tồn các loài động vật hoang dã nguy cấp, quý, hiếm;	<p>Dừng nhập khẩu động vật hoang dã còn sống hay đã chết, trứng, ấu trùng, bộ phận, dẫn xuất của các loài động vật hoang dã (trừ các loài thủy sản phục vụ sản xuất, chế biến làm thực phẩm, thức ăn chăn nuôi đã được công bố theo quy định của pháp luật; bộ phận của động vật hoang dã đã được chế biến, xử lý làm dược liệu, làm nguyên liệu phục vụ sản xuất hoặc sản phẩm hoàn chỉnh) đến khi có chỉ đạo mới của Thủ tướng Chính phủ hoặc trường hợp đặc biệt được Thủ tướng Chính phủ cho phép.</p> <p>Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Thực hiện nghiêm túc các giải pháp quản lý động vật hoang dã gây nuôi</p> <p>Bộ Công an. Tăng cường công tác phòng ngừa, đấu tranh, ngăn chặn, phát hiện và kịp thời xử lý nghiêm các hành vi vi phạm liên quan đến động vật hoang dã; đặc biệt là tập trung triệt phá các đường dây tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia trong việc mua bán, tàng trữ, vận chuyển, xuất khẩu, nhập khẩu, tạm nhập, tái xuất, quá cảnh trái phép mẫu vật các loài động vật hoang dã; phối hợp với các đơn vị liên quan kiểm tra, xử lý các hành vi quảng cáo, mua bán trái phép mẫu vật động vật hoang dã trên các trang thông tin điện tử</p> <p>Bộ Quốc phòng. Phối hợp với các lực lượng chức năng tăng cường tuần tra, kiểm soát chặt chẽ tại các cửa khẩu, lối mở biên giới và trên biển; kịp thời phát hiện, bắt giữ, xử lý theo quy định của pháp luật các trường hợp mua, bán, vận chuyển, xuất khẩu, nhập khẩu, tạm nhập tái xuất trái phép động vật hoang dã; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của nhân dân khu vực biên giới không săn, bắt, nuôi, nhốt, mua bán, vận chuyển trái phép động vật hoang dã.</p> <p>Bộ Công Thương. Tăng cường kiểm tra, kiểm soát thị trường, ngăn chặn và xử lý kịp thời các hành vi buôn bán, vận chuyển, kinh doanh các loài động vật hoang dã nguy cấp, quý, hiếm và các sản phẩm, dẫn xuất có nguồn gốc từ các loài trên theo chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền được giao.</p>	
	Chỉ thị số 28/CT-TTg về một số giải pháp cấp bách phòng ngừa, đấu tranh với hành vi xâm hại các loài động vật hoang dã trái pháp luật./.	<p>Bộ Y tế. Rà soát, quản lý các cơ sở kinh doanh y, dược, các cơ sở sản xuất thuốc, sản phẩm y tế có sử dụng các thành phần từ động vật hoang dã, đảm bảo chỉ sử dụng động vật hoang dã có nguồn gốc hợp pháp trong lĩnh vực y, dược</p> <p>Bộ Tài chính. Cung cấp thông tin theo quy định của pháp luật hiện hành, của CITES về số liệu ngà voi, sừng tê giác đã được bộ tiếp nhận, lưu giữ và bảo quản; chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các bộ, ngành liên quan tham mưu trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án xử lý, tiêu hủy ngà voi, sừng tê giác theo quy định của pháp luật.</p> <p>Bộ Tài nguyên và Môi trường. Thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước về đa dạng sinh học; rà soát quy định pháp luật hiện hành, đề xuất, xây dựng và trình cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung quy định về quản lý loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ theo quy định của pháp luật về đa dạng sinh học.</p> <p>Bộ Thông tin và Truyền thông. Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền về pháp luật và các giải pháp bảo vệ động vật hoang dã; phối hợp với các cơ quan hữu quan trong việc ngăn chặn và xử lý nghiêm các hành vi lợi dụng mạng viễn thông, internet nhằm mục đích quảng cáo, trưng bày, tuyên truyền, mua, bán mẫu vật động vật hoang dã bị cấm theo quy định của pháp luật.</p>	

Xem tiếp ở trang sau

Bảng 1: Tiếp trang trước

Năm	Tên chính sách	Nội dung	Cơ quan chịu trách nhiệm
		<p>Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao. Phối hợp chặt chẽ với cơ quan điều tra chỉ đạo đẩy mạnh công tác điều tra, truy tố các đối tượng vi phạm pháp luật về việc săn, bắt, mua, bán, vận chuyển, giết mổ, tàng trữ động vật hoang dã trái pháp luật; nâng cao chất lượng giải quyết, xét xử các vụ án liên quan đến bảo vệ động vật hoang dã, nguy cấp, quý, hiếm; tăng cường xét xử lưu động để phục vụ công tác tuyên truyền, giáo dục về bảo vệ động vật hoang dã; áp dụng hình phạt nghiêm khắc đối với kẻ chủ mưu, cầm đầu lợi dụng chức vụ, quyền hạn để phạm tội, người phạm tội có tính chất chuyên nghiệp liên quan đến bảo vệ động vật hoang dã nguy cấp, quý, hiếm.</p> <p>Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Thực hiện các giải pháp bảo vệ động vật hoang dã tự nhiên; tăng cường công tác kiểm soát các hành vi khai thác, săn, bắt, vận chuyển, tàng trữ, buôn bán, tiêu thụ và sử dụng động vật hoang dã; tổ chức triệt phá dứt điểm các đường dây buôn bán động vật hoang dã trái pháp luật; tăng cường công tác quản lý, kiểm tra và thanh tra các cơ sở nuôi, kinh doanh động vật hoang dã về tuân thủ nguồn gốc hợp pháp, vệ sinh thú y, môi trường và vệ sinh an toàn thực phẩm. Tổ chức triển khai cho các cơ sở kinh doanh trên địa bàn ký cam kết về việc không mua bán, sử dụng, tiêu thụ, trưng bày, quảng cáo mẫu vật động vật hoang dã không đảm bảo nguồn gốc hợp pháp và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm</p>	

Nguồn: Chính phủ Việt Nam (2014, 2016a, 2017b, 2018a, 2019a, 2019b, 2020a, 2021)

2.2 Chính sách ngành thủy sản

Bảng 2 thể hiện các chính sách chính trong việc quản lý và mua bán động vật hoang dã quy định trong chính sách ngành thủy sản tại Việt Nam.

Bảng 2: Chính sách quản lý bảo tồn động vật hoang dã liên quan đến ngành thủy sản

Năm	Tên chính sách	Nội dung	Cơ quan chịu trách nhiệm
2016	Quyết định số 811/QĐ-BNN-TCTS phê duyệt Kế hoạch hành động bảo tồn rùa biển Việt Nam giai đoạn 2016-2025	<p>Nhiệm vụ của Kế hoạch</p> <ul style="list-style-type: none"> Giảm thiểu các tác nhân gây tử vong cho rùa biển Thiết lập, quản lý, bảo vệ khu vực sinh sản, nơi sinh cư của rùa biển Xây dựng và hoàn thiện văn bản quản lý nhà nước về bảo tồn, bảo vệ rùa biển; Nghiên cứu và quan trắc các đặc điểm sinh học, sinh thái học của rùa biển. Nâng cao nhận thức của cộng đồng và năng lực chuyên môn cho các cán bộ chuyên trách về bảo tồn rùa biển Tăng cường hợp tác trong khu vực và quốc tế 	<p>Tổng cục Thủy sản; Tổng cục Lâm nghiệp; Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường; Viện Nghiên cứu Hải sản; Vụ Kế hoạch, Vụ Tài chính; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố ven biển; Các Vườn quốc gia/Khu bảo tồn biển; Các Hội, Hiệp hội, Nghiệp đoàn nghề cá; Các tổ chức trong và ngoài nước liên quan đến bảo tồn rùa biển. Triển khai xây dựng nội dung chi tiết, dự toán kinh phí nhiệm vụ ưu tiên thực hiện được giao trình cấp có thẩm quyền phê duyệt làm cơ sở xác định và bố trí kinh phí; đề xuất và triển khai thực hiện các hoạt động bảo tồn rùa biển.</p>

Xem tiếp ở trang sau

Năm	Tên chính sách	Nội dung	Cơ quan chịu trách nhiệm
2017	Luật Thủy sản	<p>Điều 7. Các hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động thủy sản: Khai thác, nuôi trồng thủy sản, xây dựng công trình và hoạt động khác ảnh hưởng đến môi trường sống, nguồn lợi thủy sản trong phân khu bảo vệ nghiêm ngặt và phân khu phục hồi sinh thái của khu bảo tồn biển, Khai thác thủy sản bất hợp pháp, không báo cáo, không theo quy định (sau đây gọi là khai thác thủy sản bất hợp pháp); mua, bán, vận chuyển, tàng trữ, sơ chế, chế biến thủy sản từ khai thác thủy sản bất hợp pháp, thủy sản có tạp chất nhằm mục đích gian lận thương mại.</p> <p>Điều 40. Nuôi sinh sản, nuôi sinh trưởng, trồng cây nhân tạo loài thủy sản thuộc Phụ lục của Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp; loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm. Tổ chức, cá nhân được phép nuôi sinh sản, nuôi sinh trưởng, trồng cây nhân tạo loài thủy sản thuộc Phụ lục của Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp; các loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm theo quy định của Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp và pháp luật Việt Nam. Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh quản lý, xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục của Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp; các loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc từ nuôi trồng hoặc khai thác từ tự nhiên.</p> <p>Điều 99. Chế biến, xuất khẩu, nhập khẩu, tái xuất khẩu, nhập nội từ biển, quá cảnh loài thủy sản thuộc Phụ lục của Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp; loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm</p> <p>1. Hoạt động chế biến, xuất khẩu, nhập khẩu, tái xuất khẩu, nhập nội từ biển, quá cảnh loài thủy sản hoang dã nguy cấp, quý, hiếm thuộc Phụ lục của Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp; loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm phải tuân thủ quy định của Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp và quy định của pháp luật Việt Nam.</p> <p>2. Mẫu vật các loài thủy sản thuộc Phụ lục của Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp; loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm được chế biến phải bảo đảm các quy định sau đây:</p> <p>a. Mẫu vật có nguồn gốc hợp pháp từ cơ sở nuôi sinh trưởng, nuôi sinh sản và trồng cây nhân tạo;</p> <p>b. Mẫu vật có nguồn gốc khai thác hợp pháp từ tự nhiên;</p> <p>c. Mẫu vật sau xử lý tịch thu theo quy định của pháp luật.</p>	<p>Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Xây dựng, trình Chính phủ ban hành Danh mục loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm; tiêu chí xác định loài, chế độ quản lý, bảo vệ và trình tự, thủ tục khai thác loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm; tổ chức điều tra, khảo sát, thu thập, thực hiện bảo tồn, lưu giữ giống gốc của loài thủy sản bản địa, loài thủy sản đặc hữu có giá trị kinh tế, loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm; tổ chức điều tra, khảo sát, thu thập, thực hiện bảo tồn, lưu giữ giống gốc của loài thủy sản bản địa, loài thủy sản đặc hữu có giá trị kinh tế, loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm;</p>

Xem tiếp ở trang sau

Bảng 2: Tiếp trang trước

Năm	Tên chính sách	Nội dung	Cơ quan chịu trách nhiệm
2019	Nghị định 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật thủy sản	<p>Điều 39, 40, 41. Để nuôi sinh sản, nuôi sinh trưởng, trồng cây nhân tạo loài thủy sản thuộc Phụ lục của Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp; loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm, các bên phải xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước CITES; điều kiện cơ sở nuôi phải đáp ứng các quy định theo CITES và Điều 38 Luật Thủy sản.</p> <p>Điều 67. Xuất khẩu, nhập khẩu, tái xuất khẩu, quá cảnh loài thủy sản thuộc Phụ lục của Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp; loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm. Phải xin giấy phép đối với loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có tên trong Danh mục loài thủy sản được phép kinh doanh tại Việt Nam trừ loài thủy sản thuộc Phụ lục của Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp. Chỉ được tái xuất, quá cảnh loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm theo quy định của pháp luật quản lý ngoại thương. Loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm thuộc các Phụ lục của Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp khi xuất khẩu, nhập khẩu, tái xuất khẩu, nhập nội từ biển được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý thực vật, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp và quy định tại Nghị định này.</p> <p>Điều 68. Nhập nội từ biển loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm. Tổ chức, cá nhân nhập nội từ biển mẫu vật loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm thuộc Phụ lục của Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý thực vật, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp.</p> <p>Điều 70. Kiểm soát hoạt động nhập khẩu, tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập, chuyển khẩu, quá cảnh qua lãnh thổ Việt Nam thủy sản, sản phẩm thủy sản có nguồn gốc từ khai thác bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định</p>	<p>Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Giao thông vận tải. Chỉ định và công bố danh sách cảng biển để thực hiện hoạt động nhập khẩu, tạm nhập, tái xuất, chuyển khẩu, quá cảnh thủy sản, sản phẩm thủy sản có nguồn gốc từ khai thác qua lãnh thổ Việt Nam và thông báo danh sách cảng được chỉ định cho Tổ chức Nông Lương Liên hợp quốc (FAO).</p> <p>Kiểm tra, giám sát thực hiện quy định về chế độ quản lý các loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm; xác nhận nguồn gốc loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm từ nuôi trồng thủy sản, khai thác từ tự nhiên; cơ sở nuôi sinh trưởng, sinh sản và trồng cây nhân tạo loài thủy sản nguy cấp quý, hiếm, bao gồm cả các loài thuộc Phụ lục Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp theo quy định; thực thi quy định của Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp</p>

Xem tiếp ở trang sau

Bảng 2: Tiếp trang trước

Năm	Tên chính sách	Nội dung	Cơ quan chịu trách nhiệm
		<p>4. Kiểm tra thông tin liên quan đến tàu nước ngoài khi tàu cập cảng:</p> <p>Nội dung kiểm tra: Thông tin về tàu (tên tàu, số tàu, số IMO); thông tin về chủ tàu, giấy phép khai thác, giấy phép chuyển tải, sản lượng và thành phần loài thủy sản, ngư cụ, tài liệu theo yêu cầu của Công ước CITES (nếu có);</p>	<p>Bộ Tài chính, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an. Chỉ đạo Tổng cục Hải quan, Bộ đội Biên phòng không thông quan đối với lô hàng thủy sản, sản phẩm thủy sản khai thác bất hợp pháp; kiểm tra tàu cá, thuyền viên ra vào cảng cá theo quy định của pháp luật; quản lý tàu cá, thuyền viên, người làm việc trên tàu cá nước ngoài hoạt động trong vùng biển Việt Nam và tàu cá Việt Nam hoạt động trên các vùng biển;</p> <p>Phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong quản lý hoạt động vận chuyển thủy sản qua cảng biển, dịch vụ hậu cần, tàu cá tại các cảng biển theo quy định của Hiệp định về Biện pháp quốc gia có cảng.</p>
2019	Nghị định 42/2019/NĐ-CP ngày 16/5/2019 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản	<p>Điều 41. Vi phạm quy định về thu gom, mua bán, lưu giữ, sơ chế, chế biến, bảo quản, vận chuyển thủy sản</p> <p>1. Phạt tiền đối với hành vi thu gom, mua bán, lưu giữ, sơ chế, chế biến, bảo quản, vận chuyển trái phép loài thủy sản và bộ phận của loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có tên trong nhóm II của Danh mục loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm mà không đáp ứng đủ điều kiện theo quy định hoặc Phụ lục II của Công ước về buôn bán quốc tế các loài động thực vật hoang dã nguy cấp không rõ nguồn gốc, xuất xứ mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự như sau:</p> <p>a. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng nếu khối lượng thủy sản dưới 20 kg;</p> <p>b. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng nếu khối lượng thủy sản từ 20 kg đến dưới 50 kg;</p> <p>c. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng nếu khối lượng thủy sản từ 50 kg đến dưới 100 kg;</p> <p>d. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng nếu khối lượng thủy sản từ 100kg đến dưới 200 kg;</p>	<p>Tổng cục Thủy sản, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Công an các cấp, Cục Cảnh sát giao thông; Hải đội Cảnh sát biển; Đội Quản lý thị trường; Tổng cục Quản lý thị trường; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chi cục quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản; Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản; Chi cục Kiểm ngư Vùng. Có quyền xử phạt đối với những hành vi vi phạm hành chính quy định về thu gom, mua bán, lưu giữ, sơ chế, chế biến, bảo quản, vận chuyển thủy sản</p>

Xem tiếp ở trang sau

Bảng 2: Tiếp trang trước

Năm	Tên chính sách	Nội dung	Cơ quan chịu trách nhiệm
		<p>e. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng nếu khối lượng thủy sản từ 200 kg đến dưới 500 kg;</p> <p>f. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng nếu khối lượng thủy sản từ 500 kg trở lên.</p> <p>2. Phạt tiền đối với hành vi thu gom, mua bán, lưu giữ, sơ chế, chế biến, bảo quản, vận chuyển trái phép thủy sản, sản phẩm thủy sản và bộ phận của loài thủy sản có tên trong nhóm I của Danh mục loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm hoặc Phụ lục I của Công ước về buôn bán quốc tế các loài động thực vật hoang dã nguy cấp không rõ nguồn gốc, xuất xứ mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự như sau:</p> <p>a. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng nếu khối lượng thủy sản dưới 10 kg;</p> <p>b. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng nếu khối lượng thủy sản từ 10 kg đến dưới 20 kg;</p> <p>c. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng nếu khối lượng thủy sản từ 20 kg đến dưới 50 kg;</p> <p>d. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng nếu khối lượng thủy sản từ 50 kg đến dưới 100 kg;</p> <p>e. Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng nếu khối lượng thủy sản từ 100 kg đến dưới 500 kg;</p> <p>f. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng nếu khối lượng thủy sản từ 500 kg trở lên.</p> <p>g. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi thu gom, mua bán, sơ chế, bảo quản, vận chuyển thủy sản không rõ nguồn gốc, xuất xứ theo quy định của pháp luật.</p>	

Nguồn: Chính phủ Việt Nam (2016b, 2017b, 2019c, 2019d)

2.3 Các quy định chính sách của ngành Tài nguyên Môi trường

Bảng 3 thể hiện các chính sách chính trong việc quản lý và mua bán động vật hoang dã quy định trong chính sách của ngành Tài nguyên Môi trường tại Việt Nam.

Bảng 3: Chính sách bảo tồn Động vật hoang dã liên quan đến ngành Tài nguyên Môi trường

Năm	Tên chính sách	Nội dung	Cơ quan chịu trách nhiệm
2013	Nghị định 160/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ về tiêu chí xác định loài và chế độ quản lý loài thuộc Danh mục nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ	<p>Nghị định này sửa đổi, bổ sung lại Nghị định số 64/2013/NĐ-CP ngày 16/7/2019 với mục đích Quy định thêm về Danh mục loài nguy cấp, hiếm được ưu tiên</p> <p>Điều 4. Loài thuộc Danh mục loài được ưu tiên bảo vệ phải đáp ứng các tiêu chí sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> Số lượng cá thể còn ít hoặc bị đe dọa tuyệt chủng theo quy định tại điều 5 Nghị định này Là loài đặc hữu hoặc có một trong các giá trị đặc biệt về khoa học; y tế; kinh tế; sinh thái; cảnh quan; môi trường và văn hóa - lịch sử <p>Điều 5. Xác định loài có số lượng cá thể còn ít hoặc đang bị đe dọa tuyệt chủng</p> <ol style="list-style-type: none"> Loài động vật hoang dã, thực vật hoang dã được xác định là loài có số lượng cá thể còn ít hoặc bị đe dọa tuyệt chủng khi có một trong các điều kiện sau: <ol style="list-style-type: none"> Suy giảm quần thể ít nhất 50% theo quan sát hoặc ước tính trong mười (10) năm gần nhất hoặc ba (03) thế hệ cuối tính đến thời điểm đánh giá; hoặc được dự báo suy giảm ít nhất 50% trong 10 năm hoặc ba (03) thế hệ tiếp theo tính từ thời điểm đánh giá; Nơi cư trú hoặc phân bố ước tính dưới 500 km² và quần thể bị chia cắt nghiêm trọng hoặc suy giảm liên tục về khu vực phân bố, nơi cư trú; Quần thể loài ước tính dưới 2.500 cá thể trưởng thành và có một trong các điều kiện: suy giảm liên tục theo quan sát hoặc ước tính số lượng cá thể từ 20% trở lên trong năm (05) năm gần nhất hoặc hai (02) thế hệ cuối tính đến thời điểm đánh giá; suy giảm liên tục số lượng cá thể trưởng thành, cấu trúc quần thể có dạng bị chia cắt và không có tiểu quần thể nào ước tính có trên 250 cá thể trưởng thành hoặc chỉ có một tiểu quần thể duy nhất; Quần thể loài ước tính có dưới 250 cá thể trưởng thành; Xác suất bị tuyệt chủng ngoài tự nhiên của loài từ 20% trở lên trong vòng 20 năm tiếp theo hoặc năm (05) thế hệ tiếp theo tính từ thời điểm lập hồ sơ. 	<p>Bộ Tài nguyên và Môi trường. Tổ chức, hướng dẫn việc điều tra, quan trắc, đánh giá tình trạng loài động vật hoang dã, thực vật hoang dã thuộc Danh mục loài được ưu tiên bảo vệ;</p> <p>Thống kê, tổng hợp thông tin về diễn biến loài động vật hoang dã, thực vật hoang dã thuộc Danh mục loài được ưu tiên bảo vệ trên toàn quốc;</p> <p>Hướng dẫn việc bảo tồn các loài động vật hoang dã được ưu tiên bảo vệ sinh sống tại khu vực tự nhiên chưa đủ điều kiện thành lập khu bảo tồn.</p>

Xem tiếp ở trang sau

Bảng 3: Tiếp trang trước

Năm	Tên chính sách	Nội dung	Cơ quan chịu trách nhiệm
<p>Điều 6. Xác định loài có giá trị đặc biệt về khoa học, y tế, kinh tế, sinh thái, cảnh quan, môi trường, văn hóa - lịch sử</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Loài có giá trị đặc biệt về khoa học là loài mang nguồn gen quý, hiếm để bảo tồn và chọn tạo giống. 2. Loài có giá trị đặc biệt về y tế là loài mang các hợp chất có hoạt tính sinh học quan trọng được sử dụng trực tiếp hoặc làm nguyên liệu điều chế các sản phẩm y dược. 3. Loài có giá trị đặc biệt về kinh tế là loài có khả năng sinh lợi cao khi được thương mại hóa. 4. Loài có giá trị đặc biệt về sinh thái, cảnh quan và môi trường là loài giữ vai trò quyết định trong việc duy trì sự cân bằng của các loài khác trong quần xã; hoặc có tính đại diện hay tính độc đáo của khu vực địa lý tự nhiên. 5. Loài có giá trị đặc biệt về văn hóa - lịch sử là loài có quá trình gắn với lịch sử, truyền thống văn hóa, phong tục, tập quán của cộng đồng dân cư. <p>Điều 15. Cơ quan quản lý của Việt Nam thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp phải lấy ý kiến bằng văn bản của Bộ Tài nguyên và Môi trường trước khi cấp phép xuất khẩu, nhập khẩu mẫu vật của loài động vật hoang dã, thực vật thuộc Danh mục loài được ưu tiên bảo vệ.</p>			
2008, 2018	Luật Đa dạng sinh học	<p>Quy định về bảo tồn và phát triển bền vững đa dạng sinh học; quyền và nghĩa vụ của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong bảo tồn và phát triển bền vững đa dạng sinh học.</p> <p>Điều 5. Chính sách của Nhà nước về bảo tồn và phát triển bền vững đa dạng sinh học: Ưu tiên bảo tồn hệ sinh thái tự nhiên quan trọng, đặc thù hoặc đại diện cho một vùng sinh thái, bảo tồn loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ; bảo đảm kiểm soát việc tiếp cận nguồn gen.</p>	<p>Chính phủ. Thống nhất quản lý Nhà nước về đa dạng sinh học</p> <p>Bộ Tài nguyên và Môi trường. Chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về đa dạng sinh học.</p> <p>Bộ, cơ quan ngang bộ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình</p> <p>Thực hiện quản lý nhà nước về đa dạng sinh học theo phân công của Chính phủ.</p> <p>Ủy ban nhân dân các cấp trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình. Thực hiện quản lý nhà nước về đa dạng sinh học theo phân cấp của Chính phủ.</p>

Xem tiếp ở trang sau

Bảng 3: Tiếp trang trước

Năm	Tên chính sách	Nội dung	Cơ quan chịu trách nhiệm
		Điều 7. Những hành vi bị nghiêm cấm về đa dạng sinh học: Săn bắt, đánh bắt, khai thác bộ phận cơ thể, giết, tiêu thụ, vận chuyển, mua, bán trái phép loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ; quảng cáo, tiếp thị, tiêu thụ trái phép sản phẩm có nguồn gốc từ loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ; Nuôi sinh sản, nuôi sinh trưởng và trồng cây nhân tạo trái phép loài động vật, thực vật hoang dã thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ; Tiếp cận trái phép nguồn gen thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ	
2010	Nghị định 65/2010/NĐ-CP ngày 11/6/2010 Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đa dạng sinh học;	<p>Điều 12. Tiêu chí xác định các loài nguy cấp, quý, hiếm thuộc Danh mục được ưu tiên bảo vệ</p> <p>Loài động vật, thực vật hoang dã; giống cây trồng, vật nuôi, vi sinh vật và nấm thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ (sau đây gọi chung loài được ưu tiên bảo vệ) là loài đáp ứng: các tiêu chí sau đây:</p> <p>a. Đang bị đe dọa tuyệt chủng;</p> <p>b. Đặc hữu hoặc có một trong các giá trị đặc biệt về khoa học, sinh thái, cảnh quan, môi trường, văn hóa – lịch sử.</p> <p>Điều 16. Điều kiện nuôi, trồng, cứu hộ, bảo quản nguồn gen và mẫu vật di truyền của loài được ưu tiên bảo vệ: Cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học được cấp giấy chứng nhận được nuôi, trồng loài được ưu tiên bảo vệ; Việc thành lập cơ sở cứu hộ các loài hoang dã phải đáp ứng yêu cầu cứu hộ đối với các loài được ưu tiên bảo vệ.</p>	Bộ Tài nguyên và Môi trường; Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Ban hành Thông tư liên tịch hướng dẫn cụ thể việc xác định các loài có giá trị đặc biệt về khoa học, sinh thái, cảnh quan, môi trường, văn hóa – lịch sử và hướng dẫn cụ thể việc cứu hộ các loài hoang dã; việc lưu giữ lâu dài nguồn gen và mẫu vật di truyền của loài được ưu tiên bảo vệ.
2018	Quyết định số 2713/QĐ-BNN-TCLN ngày 10/7/2018 Ban hành kế hoạch hành động ngà voi, sừng tê giác giai đoạn 2018-2020; Thực hiện theo cam kết quốc tế mà VN là thành viên	<p>Mục tiêu</p> <ul style="list-style-type: none"> • Hoàn thiện khung pháp lý có liên quan đến kiểm soát buôn bán động vật, thực vật hoang dã trong đó có ngà voi, sừng tê giác như việc xây dựng mới, sửa đổi, hướng dẫn các quy định liên quan đến việc thực thi CITES tại Việt Nam, các quy định cụ thể thực hiện Luật Lâm nghiệp và các quy định mới liên quan đến quản lý, đánh dấu, truy xuất nguồn gốc mẫu vật; • Nâng cao năng lực thực thi pháp luật, tăng cường phối hợp liên ngành thông qua các hoạt động tăng cường năng lực, kỹ năng phục vụ công tác nghiệp vụ, chuyên môn từ điều tra, truy tố, xét xử loại hình tội phạm có liên quan; các kỹ năng khác nhận dạng mẫu vật, công tác áp dụng các quy định mới của Luật Hình sự sửa đổi 2015 và khung hình phạt tương ứng; và các hoạt động phối hợp của mạng lưới VN-WEN; • Tăng cường hợp tác xuyên biên giới, hợp tác trong khu vực và quốc tế giữa các quốc gia nguồn - trung chuyển - tiêu thụ để tăng cường kiểm soát, phục vụ công tác điều tra; • Tập trung giải quyết vấn đề nhu cầu thị trường trong nước đối với sản phẩm ngà voi, sừng tê giác, bao gồm việc thực hiện tuyên truyền giảm cầu dựa trên nghiên cứu khoa học, cơ sở thực tiễn, hướng tới chiến lược giảm nhu cầu sử dụng một cách lâu dài, bền vững; 	

Xem tiếp ở trang sau

Bảng 3: Tiếp trang trước

Năm	Tên chính sách	Nội dung	Cơ quan chịu trách nhiệm
		<ul style="list-style-type: none"> Thiết lập một hệ thống thông tin theo chuỗi về các vụ bắt giữ ngà voi, sừng tê giác trong giai đoạn tới nhằm phục vụ trao đổi, chia sẻ giữa các cơ quan trong nước cũng như đáp ứng yêu cầu quốc tế. Các bên có trách nhiệm thực thi Quyết định này bao gồm: Cơ quan quản lý CITES Việt Nam, Cục Cảnh sát môi trường (Tổng cục Cảnh sát, Bộ Công an); Cục Cảnh sát phòng chống tội phạm sử dụng Công nghệ cao (Tổng cục Cảnh sát, Bộ Công an); Cục Đối ngoại (Bộ Công an); Cục Phòng, chống ma túy và tội phạm (Bộ Tư lệnh Bộ đội biên phòng); Cục Điều tra chống buôn lậu (Tổng cục Hải quan, Bộ Tài chính); Cục Kiểm lâm (Tổng cục Lâm nghiệp, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn), Vụ Quản lý rừng đặc dụng, phòng hộ (Tổng cục Lâm nghiệp, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn); Vụ Khoa học Công nghệ và Hợp tác quốc tế (Tổng cục Lâm nghiệp, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn); Cục Bảo tồn Thiên nhiên và Đa dạng sinh học (Tổng cục Môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường); Cục Quản lý thị trường (Bộ Công thương), Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Ban Thư ký Công ước CITES; Cơ quan Phòng chống ma túy và tội phạm của Liên hợp quốc (UNODC) 	

Nguồn: Chính phủ Việt Nam (2010, 2013a, 2018b, 2018c)

2.4 Các chính sách đầu tư

Bảng 4 thể hiện các chính sách chính trong việc quản lý và mua bán động vật hoang dã quy định trong chính sách về đầu tư tại Việt Nam.

Bảng 4: Chính sách bảo tồn động vật hoang dã liên quan đến ngành Đầu tư

Năm	Tên chính sách	Nội dung	Cơ quan chịu trách nhiệm
Ngành Đầu tư			
2020	Luật Đầu tư	<p>Điều 6. Ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh</p> <p>Cấm các hoạt động đầu tư kinh doanh sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> Kinh doanh mẫu vật các loài thực vật, động vật hoang dã có nguồn gốc khai thác từ tự nhiên quy định tại Phụ lục I của Công ước về buôn bán quốc tế các loài thực vật, động vật hoang dã nguy cấp; mẫu vật các loài thực vật rừng, động vật rừng, thủy sản nguy cấp, quý, hiếm Nhóm I có nguồn gốc khai thác từ tự nhiên quy định tại Phụ lục III của Luật này; <p>Phụ lục IV. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện</p> <p>Nuôi, trồng các loài thực vật, động vật hoang dã thuộc các Phụ lục của Công ước CITES và danh mục thực vật rừng, động vật rừng, thủy sản nguy cấp, quý, hiếm</p>	<p>Chính phủ và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu phục vụ cho việc thẩm tra; giải trình về những vấn đề thuộc nội dung dự án đầu tư khi cơ quan chủ trì thẩm tra của Quốc hội yêu cầu.</p> <p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư thống nhất quản lý nhà nước về đầu tư tại Việt Nam và đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài</p> <p>Xây dựng và vận hành Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư; xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đầu tư; đánh giá việc vận hành hệ thống của cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư ở trung ương và địa phương.</p>

Nguồn: Chính phủ Việt Nam (2020b)

2.5 Các quy định luật pháp về tổ tụng hình sự và xử lý vi phạm

Bảng 5 thể hiện các chính sách chính trong việc quản lí và mua bán động vật hoang dã quy định trong các quy định về luật pháp hình sự và xử lý vi phạm tại Việt Nam.

Bảng 5: Chính sách bảo tồn Động vật hoang dã liên quan trong các quy định về tổ tụng hình sự và xử lý vi phạm

Năm	Tên chính sách	Nội dung	Cơ quan chịu trách nhiệm
2015, 2017	Bộ Luật Hình sự	Quy định về hình thức xử phạt các trường hợp buôn bán, tàng trữ, gây tổn hại đến Động vật Hoang dã	Chánh án Tòa án có thẩm quyền ra quyết định tổng hợp hình phạt của các bản án
		Điều 234. Tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã. Người nào thực hiện một trong các hành vi vi phạm Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IIB hoặc Phụ lục II Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 242 và Điều 244 của Bộ luật này, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm. Tùy vào sự nghiêm trọng của các hành vi theo Khoản 2.198 và 3.199 thì án phạt nặng hơn, cao nhất là 12 năm tù.	Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát hoặc Tòa án quyết định áp dụng biện pháp khiển trách đối với các bản án
2015	Bộ Luật Tố tụng Hình sự	Điều 244. Tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm. Người nào vi phạm quy định về bảo vệ động vật thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ hoặc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IB hoặc Phụ lục I Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thì bị phạt tiền từ 500.000.000 đồng đến 2.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm. Tùy vào sự nghiêm trọng của các hành vi vi phạm nặng hơn được quy định tại Khoản 2.231, 3.232 của Bộ Luật Hình sự 2015 (sửa đổi 2017) thì án phạt sẽ tăng lên, cao nhất là hình phạt 15 năm tù.	
		Điều 164. Nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan của Bộ đội biên phòng, Hải quan, Kiểm lâm, lực lượng Cảnh sát biển, Kiểm ngư và cơ quan khác của Công an nhân dân, Quân đội nhân dân được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra a. Đối với tội phạm ít nghiêm trọng trong trường hợp phạm tội quả tang, chứng cứ và lý lịch người phạm tội rõ ràng thì quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can, tiến hành điều tra và chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát có thẩm quyền trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày ra quyết định khởi tố vụ án hình sự; b. Đối với tội phạm nghiêm trọng, tội phạm rất nghiêm trọng, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng hoặc tội phạm ít nghiêm trọng nhưng phức tạp thì quyết định khởi tố vụ án hình sự, tiến hành hoạt động điều tra ban đầu và chuyển hồ sơ vụ án cho Cơ quan điều tra có thẩm quyền trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày ra quyết định khởi tố vụ án hình sự.	

Xem tiếp ở trang sau

Bảng 5: Tiếp trang trước

Năm	Tên chính sách	Nội dung	Cơ quan chịu trách nhiệm
2015	Luật Tổ chức Cơ quan Điều tra Hình sự	<p>Điều 9. Các cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động Điều tra:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Các cơ quan của Bộ đội biên phòng được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động Điều tra gồm có Cục trinh sát biên phòng; Cục phòng, chống ma túy và tội phạm; Đoàn đặc nhiệm phòng, chống ma túy và tội phạm; Bộ chỉ huy Bộ đội biên phòng cấp tỉnh; Ban chỉ huy Biên phòng Cửa khẩu cảng; Đồn biên phòng. 2. Các cơ quan của Hải quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động Điều tra gồm có Cục Điều tra chống buôn lậu; Cục Kiểm tra sau thông quan; Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Chi cục Hải quan cửa khẩu. 3. Các cơ quan của Kiểm lâm được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động Điều tra gồm có Cục Kiểm lâm; Chi cục Kiểm lâm vùng; Chi cục Kiểm lâm cấp tỉnh; Hạt Kiểm lâm. 4. Các cơ quan của lực lượng Cảnh sát biển được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động Điều tra gồm có Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển; Bộ Tư lệnh vùng Cảnh sát biển; Cục Nghiệp vụ và pháp luật; Đoàn đặc nhiệm phòng, chống tội phạm ma túy; Hải đoàn; Hải đội; Đội nghiệp vụ. 5. Các cơ quan của Kiểm ngư được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra gồm có Cục Kiểm ngư, Chi cục Kiểm ngư vùng. 	
2018	Nghị quyết 05/2018/NQ-HĐTP hướng dẫn áp dụng Điều 234 về tội vi phạm về bảo vệ ĐVHD và Điều 244 về tội vi phạm về Bảo vệ ĐVHD của Bộ Luật Hình sự	<p>Điều 3: Hướng dẫn áp dụng một số tình tiết định khung hình phạt</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Săn bắt trong khu vực bị cấm là săn bắt động vật hoang dã, động vật nguy cấp, quý, hiếm trong khu bảo tồn, vườn quốc gia, khu dự trữ thiên nhiên, khu bảo tồn loài - sinh cảnh, khu bảo vệ cảnh quan hoặc săn bắt trong các khu vực khác có quy định cấm theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. 2. Săn bắt vào thời gian bị cấm là săn bắt động vật hoang dã, động vật nguy cấp, quý, hiếm vào mùa sinh sản hoặc di cư của chúng. Việc xác định mùa sinh sản, mùa di cư của từng loài theo quy định của cơ quan có thẩm quyền 3. Sử dụng công cụ hoặc phương tiện săn bắt bị cấm là sử dụng các loại vũ khí, tên tẩm thuốc độc, chất nổ, chất độc, đào hầm, hố, hầm chông, bẫy kiềng lớn, bẫy hầm chông, bẫy gài lao, bẫy điện, bẫy sập, khúc gỗ lớn, răng sắt lớn hoặc các công cụ, phương tiện nguy hiểm khác mà cơ quan có thẩm quyền quy định không được phép sử dụng để săn bắt” 4. Vận chuyển, buôn bán qua biên giới là trường hợp người phạm tội đã hoặc đang đưa động vật hoang dã, động vật nguy cấp, quý, hiếm, bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của chúng ra khỏi biên giới quốc gia trên đất liền, trên biển, trên không và trong lòng đất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc ngược lại. Cũng được coi là buôn bán, vận chuyển qua biên giới nếu đã hoàn thành các thủ tục thông quan đối với động vật hoang dã, động vật nguy cấp, quý, hiếm, bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của chúng. 	Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao

Xem tiếp ở trang sau

Bảng 5: Tiếp trang trước

Năm	Tên chính sách	Nội dung	Cơ quan chịu trách nhiệm
		<p>Điều 4. Về hành vi tàng trữ cá thể, bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống hoặc sản phẩm của động vật hoang dã, động vật nguy cấp, quý, hiếm</p> <p>1. Đối với hành vi tàng trữ trái phép cá thể, bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống hoặc sản phẩm của động vật hoang dã, động vật nguy cấp, quý, hiếm truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định tại điều Điều 234 hoặc 244 của bộ luật Hình sự.</p> <p>2. Đối với hành vi tàng trữ cá thể, bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống hoặc sản phẩm của động vật hoang dã, động vật nguy cấp, quý, hiếm, không bị truy cứu trách nhiệm hình sự, trừ trường hợp tàng trữ cá thể, bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống hoặc sản phẩm của động vật hoang dã, động vật nguy cấp, quý, hiếm nhằm mục đích buôn bán, thu lợi bất chính.</p> <p>Điều 5: Về hành vi chiếm đoạt cá thể, bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của động vật hoang dã, động vật nguy cấp, quý, hiếm</p> <p>1. Tùy trường hợp cụ thể mà bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội chiếm đoạt tương ứng với quy định tại Chương các tội xâm phạm sở hữu của Bộ luật Hình sự</p> <p>2. Người thực hiện hành vi chiếm đoạt cá thể, bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của động vật hoang dã, động vật nguy cấp, quý, hiếm sau đó lại thực hiện một trong các hành vi vi phạm quy định tại Điều 234 hoặc Điều 244 của Bộ luật Hình sự nếu đủ yếu tố cấu thành tội phạm thì tùy từng trường hợp cụ thể còn bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã hoặc tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm.”</p>	
2019	Nghị định số 35/2019/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp	<p>Điều 22. Vận chuyển lâm sản trái pháp luật</p> <ul style="list-style-type: none"> Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các trường hợp sau: <ul style="list-style-type: none"> a. Động vật rừng, bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của động vật rừng thông thường trị giá dưới 15.000.000 đồng; b. Động vật rừng, bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của động vật rừng thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IIB trị giá đến dưới 7.000.000 đồng; 	Kiểm lâm, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp; thanh tra chuyên ngành trong lĩnh vực Lâm nghiệp; Công an nhân dân; Bộ đội Biên phòng; Cảnh sát biển; Quản lý thị trường; Hải quan. Có thẩm quyền xử phạt hành chính

Xem tiếp ở trang sau

Bảng 5: Tiếp trang trước

Năm	Tên chính sách	Nội dung	Cơ quan chịu trách nhiệm
		<ul style="list-style-type: none"> Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với một trong các trường hợp sau: <ol style="list-style-type: none"> Động vật rừng, bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của động vật rừng thông thường trị giá từ 15.000.000 đồng đến dưới 25.000.000 đồng; Động vật rừng, bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của động vật rừng thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IIB trị giá từ 7.000.000 đồng đến dưới 15.000.000 đồng; Sản phẩm của động vật rừng thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IB trị giá dưới 1.000.000 đồng; 	
		<p>Điều 23. Tàng trữ, mua bán, chế biến lâm sản trái pháp luật</p> <p><i>Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các trường hợp sau:</i></p> <ol style="list-style-type: none"> Động vật rừng, bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của động vật rừng thông thường trị giá dưới 15.000.000 đồng; Động vật rừng, bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của động vật rừng thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IIB trị giá đến dưới 7.000.000 đồng; <p><i>Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với một trong các trường hợp sau:</i></p> <ol style="list-style-type: none"> Động vật rừng, bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của động vật rừng thông thường trị giá từ 15.000.000 đồng đến dưới 25.000.000 đồng; Động vật rừng, bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của động vật rừng thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IIB trị giá từ 7.000.000 đồng đến dưới 15.000.000 đồng; Sản phẩm của động vật rừng thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IB trị giá dưới 1.000.000 đồng; 	

Xem tiếp ở trang sau

Bảng 5: Tiếp trang trước

Năm	Tên chính sách	Nội dung	Cơ quan chịu trách nhiệm
		<i>Phạt tiền từ 25.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các trường hợp sau:</i>	
		a. Động vật rừng, bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của động vật rừng thông thường trị giá từ 25.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng;	
		b. Động vật rừng, bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của động vật rừng thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IIB trị giá từ 15.000.000 đồng đến dưới 25.000.000 đồng;	
		c. Sản phẩm của động vật rừng thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IB trị giá từ 1.000.000 đồng đến dưới 3.000.000 đồng;	
		<i>Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với một trong các trường hợp sau:</i>	
		a. Động vật rừng, bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của động vật rừng thông thường trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 70.000.000 đồng;	
		b. Động vật rừng, bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của động vật rừng thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IIB trị giá từ 25.000.000 đồng đến dưới 35.000.000 đồng;	
		c. Sản phẩm của động vật rừng thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IB trị giá từ 3.000.000 đồng đến dưới 5.000.000 đồng;	
		<i>Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 90.000.000 đồng đối với một trong các trường hợp sau:</i>	
		a. Động vật rừng, bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của động vật rừng thông thường trị giá từ 70.000.000 đồng đến dưới 90.000.000 đồng;	
		b. Động vật rừng, bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của động vật rừng thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IIB trị giá từ 35.000.000 đồng đến dưới 45.000.000 đồng;	
		c. Sản phẩm của động vật rừng thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IB trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 10.000.000 đồng;	

Xem tiếp ở trang sau

Bảng 5: Tiếp trang trước

Năm	Tên chính sách	Nội dung	Cơ quan chịu trách nhiệm
		<i>Phạt tiền từ 90.000.000 đồng đến 120.000.000 đồng đối với một trong các trường hợp sau:</i>	
		a. Động vật rừng, bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của động vật rừng thông thường trị giá từ 90.000.000 đồng đến dưới 120.000.000 đồng;	
		b. Động vật rừng, bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của động vật rừng thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IIB trị giá từ 45.000.000 đồng đến dưới 60.000.000 đồng;	
		c. Sản phẩm của động vật rừng thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IB trị giá từ 10.000.000 đồng đến dưới 20.000.000 đồng;	
		<i>Phạt tiền từ 120.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với một trong các trường hợp sau:</i>	
		a. Động vật rừng, bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của động vật rừng thông thường trị giá từ 120.000.000 đồng đến dưới 150.000.000 đồng;	
		b. Động vật rừng, bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của động vật rừng thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IIB trị giá từ 60.000.000 đồng đến dưới 75.000.000 đồng;	
		c. Sản phẩm của động vật rừng thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IB trị giá từ 20.000.000 đồng đến dưới 30.000.000 đồng;	
		<i>Phạt tiền từ 150.000.000 đồng đến 180.000.000 đồng đối với một trong các trường hợp sau:</i>	
		a. Động vật rừng, bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của động vật rừng thông thường trị giá từ 150.000.000 đồng đến dưới 180.000.000 đồng;	
		b. Động vật rừng, bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của động vật rừng thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IIB trị giá từ 75.000.000 đồng đến dưới 90.000.000 đồng;	
		c. Sản phẩm của động vật rừng thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IB trị giá từ 30.000.000 đồng đến dưới 40.000.000 đồng;	

Xem tiếp ở trang sau

Bảng 5: Tiếp trang trước

Năm	Tên chính sách	Nội dung	Cơ quan chịu trách nhiệm
		<i>Phạt tiền từ 180.000.000 đồng đến 210.000.000 đồng đối với một trong các trường hợp sau:</i>	
		a. Động vật rừng, bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của động vật rừng thông thường trị giá từ 180.000.000 đồng đến dưới 210.000.000 đồng;	
		b. Động vật rừng, bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của động vật rừng thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IIB trị giá từ 90.000.000 đồng đến dưới 105.000.000 đồng;	
		c. Sản phẩm của động vật rừng thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IB trị giá từ 40.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng;	
		d. Ngà voi có khối lượng dưới 0,3 kilôgam;	
		<i>Phạt tiền từ 210.000.000 đồng đến 240.000.000 đồng đối với một trong các trường hợp sau:</i>	
		a. Động vật rừng, bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của động vật rừng thông thường trị giá từ 210.000.000 đồng đến dưới 240.000.000 đồng;	
		b. Động vật rừng, bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của động vật rừng thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IIB trị giá từ 105.000.000 đồng đến dưới 120.000.000 đồng;	
		c. Sản phẩm của động vật rừng thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IB trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 60.000.000 đồng;	
		d. Ngà voi có khối lượng từ 0,3 kilôgam đến dưới 0,6 kilôgam;	
		<i>Phạt tiền từ 240.000.000 đồng đến 270.000.000 đồng đối với một trong các trường hợp sau:</i>	
		a. Động vật rừng, bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của động vật rừng thông thường trị giá từ 240.000.000 đồng đến dưới 270.000.000 đồng;	
		b. Động vật rừng, bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của động vật rừng thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IIB trị giá từ 120.000.000 đồng đến dưới 135.000.000 đồng;	

Xem tiếp ở trang sau

Bảng 5: Tiếp trang trước

Năm	Tên chính sách	Nội dung	Cơ quan chịu trách nhiệm
		<p>c. Sản phẩm của động vật rừng thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IB trị giá từ 60.000.000 đồng đến dưới 70.000.000 đồng;</p> <p>d. Ngà voi có khối lượng từ 0,6 kilôgam đến dưới 0,9 kilôgam;</p> <p>e. Thực vật rừng ngoài gỗ trị giá từ 240.000.000 đồng đến dưới 270.000.000 đồng</p> <p><i>Phạt tiền từ 270.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng đối với một trong các trường hợp sau:</i></p> <p>a. Động vật rừng, bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của động vật rừng thông thường trị giá từ 270.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 đồng;</p> <p>b. Động vật rừng, bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của động vật rừng thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IIB trị giá từ 135.000.000 đồng đến dưới 150.000.000 đồng;</p> <p>c. Sản phẩm của động vật rừng thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IB trị giá từ 70.000.000 đồng đến dưới 80.000.000 đồng;</p> <p>d. Ngà voi có khối lượng từ 0,9 kilôgam đến dưới 1,2 kilôgam;</p> <p><i>Phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 330.000.000 đồng đối với một trong các trường hợp sau:</i></p> <p>a. Sản phẩm của động vật rừng thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IB trị giá từ 80.000.000 đồng đến dưới 90.000.000 đồng;</p> <p>b. Ngà voi có khối lượng từ 1,2 kilôgam đến dưới 1,5 kilôgam; sừng tê giác có khối lượng dưới 0,03 kilôgam;</p> <p>c. Động vật rừng hoặc bộ phận không thể tách rời sự sống của động vật rừng thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IB với số lượng 01 cá thể lớp thú hoặc từ 03 đến 04 cá thể lớp chim, bò sát hoặc từ 03 đến 05 cá thể động vật lớp khác;</p>	

Xem tiếp ở trang sau

Bảng 5: Tiếp trang trước

Năm	Tên chính sách	Nội dung	Cơ quan chịu trách nhiệm
		<i>Phạt tiền từ 330.000.000 đồng đến 360.000.000 đồng đối với một trong các trường hợp sau:</i>	
		a. Sản phẩm của động vật rừng thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IB trị giá từ 90.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng;	
		b. Ngà voi có khối lượng từ 1,5 kilôgam đến dưới 02 kilôgam; sừng tê giác có khối lượng từ 0,03 kilôgam đến dưới 0,05 kilôgam;	
		c. Động vật rừng hoặc bộ phận không thể tách rời sự sống của động vật rừng thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IB với số lượng 02 cá thể lớp thú hoặc từ 05 đến 06 cá thể lớp chim, bò sát hoặc từ 06 đến 09 cá thể động vật lớp khác;	

Nguồn: Chính phủ Việt Nam (2015a, 2015b, 2017c, 2018d, 2019e)

2.6 Các chính sách xuất nhập khẩu

Bảng 6 thể hiện các chính sách chính trong việc quản lí và mua bán động vật hoang dã quy định trong chính sách xuất nhập khẩu tại Việt Nam.

Bảng 6: Chính sách bảo tồn Động vật hoang dã liên quan đến chính sách xuất nhập khẩu

Năm	Tên chính sách	Nội dung	Cơ quan chịu trách nhiệm
2013	Luật Hải quan 2013	Điều 89. Thẩm quyền của cơ quan hải quan trong việc áp dụng các biện pháp phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới 1. Tổ chức lực lượng, xây dựng cơ sở dữ liệu, áp dụng biện pháp nghiệp vụ kiểm soát hải quan, thu thập thông tin trong nước và ngoài nước liên quan đến hoạt động hải quan để chủ động phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới, phục vụ thông quan hàng hóa và kiểm tra sau thông quan; phối hợp với các cơ quan hữu quan bảo vệ bí mật về người cung cấp thông tin các vụ buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới theo quy định của pháp luật. 2. Thực hiện kiểm soát hải quan đối với hàng hóa, phương tiện vận tải; chủ trì, phối hợp với cơ quan nhà nước hữu quan thực hiện các hoạt động phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới trong địa bàn hoạt động hải quan. Khi tiến hành kiểm soát hải quan đối với hàng hóa, phương tiện vận tải trong địa bàn hoạt động hải quan, cơ quan hải quan được áp dụng biện pháp tuần tra, điều tra, xác minh hoặc biện pháp nghiệp vụ khác theo quy định của Luật này, pháp luật xử lý vi phạm hành chính, pháp luật tố tụng hình sự và pháp luật tổ chức điều tra hình sự. 3. Yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan cung cấp thông tin, tài liệu để phục vụ việc kiểm tra, điều tra, xác minh hành vi buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới.	

Xem tiếp ở trang sau

Bảng 6: Tiếp trang trước

		<p>4. Yêu cầu doanh nghiệp cung cấp dịch vụ bưu chính, chuyển phát nhanh mở bưu phẩm, hàng hóa được xuất khẩu, nhập khẩu qua đường bưu chính, chuyển phát nhanh để kiểm tra khi có căn cứ cho rằng bưu phẩm, hàng hóa đó có tài liệu, hàng hóa liên quan đến buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới.</p> <p>5. Sử dụng cờ hiệu, đèn hiệu, pháo hiệu, còi, loa; sử dụng vũ khí và công cụ hỗ trợ theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ.</p> <p>6. Ngoài địa bàn hoạt động hải quan, cơ quan hải quan phối hợp, thực hiện các hoạt động kiểm soát hải quan đề phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới theo quy định của pháp luật.</p>	
		<p>Điều 90. Thẩm quyền của cơ quan hải quan, công chức hải quan trong việc xử lý hành vi buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới</p> <p>1. Xử lý vi phạm hành chính, áp dụng biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính. Trường hợp có căn cứ cho rằng có hành vi buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới, Chi cục trưởng Chi cục Hải quan, Đội trưởng Đội Kiểm soát thuộc Cục Hải quan, Đội trưởng Đội Kiểm soát chống buôn lậu và Hải đội trưởng Hải đội Kiểm soát trên biển thuộc Cục Điều tra chống buôn lậu có thẩm quyền dừng phương tiện vận tải, tạm giữ người, áp giải người vi phạm. Trình tự, thủ tục tạm giữ người, áp giải người vi phạm theo quy định của Luật xử lý vi phạm hành chính.</p> <p>2. Khi phát hiện có hành vi vi phạm pháp luật về hải quan đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự thì cơ quan hải quan, công chức hải quan có thẩm quyền khởi tố vụ án, khởi tố bị can, thực hiện các hoạt động điều tra theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự và pháp luật tổ chức điều tra hình sự.</p> <p>3. Cơ quan hải quan, công chức hải quan khi tiến hành các hoạt động được quy định tại Điều này phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định của mình</p>	
2013. 2016	Nghị định 127/2013 quy định xử phạt vi phạm hành chính và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính trong lĩnh vực hải quan (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 45/2016/NĐ-CP)	<p>Điều 14. Vi phạm các quy định chính sách quản lý hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh; phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh</p> <ul style="list-style-type: none"> Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau: <ol style="list-style-type: none"> Quá cảnh, chuyển khẩu hàng hóa; xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh phương tiện vận tải không đúng nội dung giấy phép của cơ quan có thẩm quyền; Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa không đúng nội dung giấy phép; Tạm nhập - tái xuất, tạm xuất - tái nhập hàng hóa thuộc danh mục phải có giấy phép mà không có giấy phép; 	<p>Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan, Cục trưởng Cục Điều tra chống buôn lậu, Cục trưởng Cục Kiểm tra sau thông quan thuộc Tổng cục Hải quan, Cục trưởng Cục Hải quan, Chi cục trưởng Chi cục Hải quan, Chi cục trưởng Chi cục kiểm tra có thẩm quyền quyết định khám nơi cất giấu tài liệu, tang vật, phương tiện vi phạm hành chính và có thẩm quyền phạt, xử lý hành chính đối với các trường hợp vi phạm</p>

Xem tiếp ở trang sau

Bảng 6: Tiếp trang trước

-
- Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi quá cảnh, chuyển khẩu hàng hóa thuộc danh mục phải có giấy phép mà không có giấy phép của cơ quan có thẩm quyền
 - Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa thuộc danh mục phải có giấy phép mà không có giấy phép; xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa không đáp ứng yêu cầu về điều kiện, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa không có nhãn hàng hóa theo quy định pháp luật thì bị xử phạt như sau:
 - a. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng trong trường hợp tang vật vi phạm có trị giá dưới 30.000.000 đồng;
 - b. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng trong trường hợp tang vật vi phạm có trị giá từ 30.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng;
 - c. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng trong trường hợp tang vật vi phạm có trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng;
 - d. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng trong trường hợp tang vật vi phạm có trị giá từ 100.000.000 đồng trở lên mà không phải là tội phạm.
-

Nguồn: Chính phủ Việt Nam (2013b, 2013c, 2016c)

2.7 Quy định, chính sách của ngành Chăn nuôi, Thú y

Bảng 7 thể hiện các chính sách chính trong việc quản lý và mua bán động vật hoang dã quy định trong chính sách Chăn nuôi, thú y tại Việt Nam.

Bảng 7: Chính sách bảo tồn Động vật hoang dã liên quan đến chính sách Chăn nuôi, thú y

Năm	Tên chính sách	Nội dung	Cơ quan chịu trách nhiệm
2015	Luật Thú y	<p>Điều 3. Giải thích từ ngữ</p> <p><i>Động vật trên cạn</i> là các loài gia súc, gia cầm, động vật hoang dã, bò sát, ong, tằm và một số loài động vật khác sống trên cạn;</p> <p>Điều 13. Những hành vi bị nghiêm cấm</p> <p>Nhập khẩu, tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, chuyển cửa khẩu, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam động vật, sản phẩm động vật từ quốc gia, vùng lãnh thổ đang có dịch bệnh nguy hiểm trên loài động vật mẫn cảm với bệnh dịch đó.</p> <p>Nhập khẩu, xuất khẩu động vật, sản phẩm động vật thuộc diện cấm nhập khẩu, xuất khẩu theo quy định của pháp luật.</p> <p>Điều 16. Giám sát dịch bệnh động vật.</p> <p>5. Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y tổ chức thực hiện giám sát bệnh động vật như sau:</p> <p>Định kỳ hoặc đột xuất giám sát các bệnh truyền nhiễm có thể lây giữa động vật hoang dã và động vật nuôi tại cơ sở nuôi động vật hoang dã, vườn thú, vườn chim, khu bảo tồn đa dạng sinh học, khu bảo tồn thiên nhiên</p>	<p>Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành</p> <p>Danh mục bệnh động vật phải công bố dịch; Danh mục bệnh truyền lây giữa động vật và người; Danh mục bệnh động vật cấm giết mổ, chữa bệnh; quy định các biện pháp phòng bệnh bắt buộc; yêu cầu vệ sinh thú y, vệ sinh môi trường trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản; điều kiện động vật, sản phẩm động vật được vận chuyển ra khỏi vùng có dịch;</p> <p>Bộ Y tế chủ trì, phối hợp trong việc xử lý thông tin liên quan đến dịch bệnh truyền lây giữa động vật và người; tổ chức điều trị kịp thời các trường hợp mắc bệnh ở người; thực hiện việc công bố dịch theo quy định của pháp luật về phòng, chống bệnh truyền nhiễm.</p>
2018	Luật Chăn nuôi	<p>Điều 2. Giải thích từ ngữ</p> <p>Hoạt động chăn nuôi là nuôi sinh trưởng, nuôi sinh sản vật nuôi và hoạt động khác có liên quan đến vật nuôi, sản phẩm chăn nuôi phục vụ mục đích làm thực phẩm, khai thác sức kéo, làm cảnh hoặc mục đích khác của con người.</p> <p>Vật nuôi bao gồm gia súc, gia cầm và động vật khác trong chăn nuôi.</p> <p>Động vật khác trong chăn nuôi là động vật ngoài gia súc, gia cầm và ngoài Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ, danh mục động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm, động vật rừng thông thường, động vật thủy sản, danh mục động vật rừng hoang dã thuộc Phụ lục của Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp.</p> <p>Giống vật nuôi là quần thể vật nuôi cùng loài, cùng nguồn gốc, có ngoại hình và cấu trúc di truyền tương tự nhau, được hình thành, củng cố, phát triển do tác động của con người; phải có số lượng bảo đảm để nhân giống và di truyền được những đặc điểm của giống cho thế hệ sau.</p>	<p>Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định việc cập nhật, khai thác và quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia về chăn nuôi; quy định chi tiết về ghi nhãn thức ăn chăn nuôi; quy định việc thu thập, bảo tồn, khai thác và phát triển nguồn gen giống vật nuôi thuộc phạm vi quản lý của ngành nông nghiệp; quy định loại, số lượng vật nuôi phải thực hiện kê khai, thời điểm kê khai và mẫu kê khai hoạt động chăn nuôi; quy định khoảng cách an toàn trong chăn nuôi trang trại bảo đảm an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường</p>

Xem tiếp ở trang sau

Bảng 7: Tiếp trang trước

Năm	Tên chính sách	Nội dung	Cơ quan chịu trách nhiệm
		Giống vật nuôi quý, hiếm là giống vật nuôi có giá trị đặc biệt về khoa học, y tế, kinh tế mà số lượng còn ít hoặc bị đe dọa tuyệt chủng.	
		Điều 3. Nguyên tắc hoạt động chăn nuôi	
		Bảo tồn, khai thác và phát triển hợp lý nguồn gen giống vật nuôi bản địa, nguồn gen giống vật nuôi quý, hiếm; tiếp thu nhanh tiến bộ di truyền giống của thế giới; kết hợp chăn nuôi hiện đại với chăn nuôi truyền thống; phát triển chăn nuôi phù hợp với vùng sinh thái.	
		Điều 19. Danh mục giống vật nuôi cần bảo tồn và cấm xuất khẩu	
		Danh mục giống vật nuôi cần bảo tồn bao gồm các giống vật nuôi có số lượng còn ít hoặc bị đe dọa tuyệt chủng.	
		Danh mục giống vật nuôi cấm xuất khẩu bao gồm các giống vật nuôi quý, hiếm và là lợi thế của Việt Nam.	
		Chính phủ ban hành Danh mục giống vật nuôi cần bảo tồn và Danh mục giống vật nuôi cấm xuất khẩu; quy định trình tự, thủ tục ban hành, cập nhật Danh mục giống vật nuôi cần bảo tồn và Danh mục giống vật nuôi cấm xuất khẩu	

Nguồn: Chính phủ Việt Nam (2015c, 2018e)

2.8 Các Công ước Quốc tế liên quan đến Động vật Hoang dã mà Việt Nam tham gia, ký kết

Bảng 8 thể hiện các chính sách chính trong việc quản lý và mua bán động vật hoang dã quy định trong các Công ước Quốc tế Việt Nam tham gia, ký kết.

Bảng 8: Chính sách Bảo tồn Động vật hoang dã được quy định trong các Công ước Quốc tế Việt Nam tham gia ký kết

Năm	Tên chính sách	Nội dung	Cơ quan chịu trách nhiệm
1994	Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp (CITES)	Công Ước CITES quy định về những loài được phép buôn bán, cấm buôn bán và cần được bảo vệ đối với mọi thành viên thuộc Công Ước. Trong đó, CITES chia các loài thành ba phụ lục chính theo mức độ nguy cấp, đe dọa tuyệt chủng của loài.	Cơ quan thẩm quyền khoa học. Theo dõi cả giấy phép xuất khẩu và cả việc xuất khẩu thực tế của những mẫu vật của một số loài trong phụ lục II để duy trì số lượng những loài đó ở trên mức giới hạn bị liệt vào phụ lục I. Xác nhận là việc nhập khẩu dùng cho mục đích không làm tổn hại đến sự tồn tại của loài đó.

Xem tiếp ở trang sau

Bảng 8: Tiếp trang trước

Năm	Tên chính sách	Nội dung	Cơ quan chịu trách nhiệm
		<p>Phụ lục I: <i>Loài bị đe dọa tuyệt diệt do hoặc có thể do buôn bán.</i> Cấm toàn bộ các hoạt động buôn bán Thương mại với Động vật Hoang dã trong Phụ lục này.</p> <p>Việc xuất khẩu, nhập khẩu, tái xuất chỉ được phép trong một số trường hợp đặc biệt và phải xuất trình được giấy phép xuất khẩu/ nhập khẩu/tái xuất.</p> <p>Phụ lục II: <i>Tất cả những loài hiện chưa bị đe dọa tuyệt diệt nhưng có thể dẫn đến đó nếu việc buôn bán những mẫu vật của những loài đó không tuân theo những quy chế nghiêm ngặt nhằm tránh việc sử dụng không phù hợp với sự tồn tại của chúng và những loài loài nuôi nhốt hoặc mẫu vật nhân tạo của các loài thuộc Phụ lục I</i> Những loài thuộc phụ lục này được phép buôn bán Thương mại nhưng phải có giấy phép, chứng chỉ buôn bán của CITES</p> <p>Phụ lục III: <i>Tất cả các loài mà các nước thành viên quy định theo luật pháp của họ nhằm ngăn chặn hoặc hạn chế việc khai thác và cần thiết phải có sự hợp tác với các nước thành viên khác để kiểm soát việc buôn bán.</i> Những loài thuộc phụ lục này được phép buôn bán Thương mại nhưng phải có giấy phép, chứng chỉ buôn bán của CITES</p> <p>Có hai điều kiện tiên quyết để ban hành giấy phép CITES là việc buôn bán không được đe dọa tới sự sống còn của các loài được đề cập trong Công ước và việc thu mẫu vật của chúng phải hợp pháp.</p> <p>Điều kiện nuôi các loài ĐVHD nguy cấp thuộc Phụ lục CITES vì mục đích thương mại: Bảo đảm nguồn giống hợp pháp; chuồng trại được xây dựng phù hợp với đặc tính của loài nuôi; bảo đảm các điều kiện an toàn cho người và vật nuôi, vệ sinh môi trường, phòng dịch; loài nuôi là loài được Cơ quan khoa học CITES Việt Nam công bố có khả năng sinh sản liên tiếp qua nhiều thế hệ trong môi trường có kiểm soát; việc nuôi sinh sản, sinh trưởng không làm ảnh hưởng đến sự tồn tại của loài nuôi và các loài có liên quan trong tự nhiên...</p>	<p>Cơ quan Thẩm quyền quản lý. Cấp giấy phép hoặc chứng chỉ thay mặt cho quốc gia trong việc xuất, nhập khẩu. Giải trình đầy đủ là mẫu vật được thu nhập phù hợp với luật pháp của nhà nước và các điều khoản của CITES về bảo vệ hệ động và thực vật, chuẩn bị và vận chuyển theo cách nhằm giảm tối đa về tổn thương, tổn hại sức khỏe hoặc bị đối xử thô bạo</p>

Xem tiếp ở trang sau

Bảng 8: Tiếp trang trước

Năm	Tên chính sách	Nội dung	Cơ quan chịu trách nhiệm
1994	Công ước toàn cầu về đa dạng sinh học (Công ước CBD)	<p>Điều 2.</p> <p>“Đa dạng sinh học” có nghĩa là tính (đa dạng) biến thiên giữa các sinh vật sống của tất cả các nguồn bao gồm các hệ sinh thái tiếp giáp, trên cạn, biển, các hệ sinh thái thủy vực khác và các tập hợp sinh thái mà chúng là một phần. Tính đa dạng này thể hiện ở trong mỗi bộ loài, giữa các loài và các hệ sinh học.</p> <p>“Tài nguyên sinh học” bao gồm các tài nguyên gen, các sinh vật hay các bộ phận của nó, dân số hay bất kỳ thành phần hữu cơ nào của hệ sinh thái có giá trị sử dụng các hệ thống sinh học, cơ thể sống hay các sản phẩm của nó tạo đề ra hoặc đổi mới các sản phẩm hay các chế biến cho việc chuyên dụng.</p> <p>Điều 3</p> <p>Các quốc gia, phù hợp với Hiến chương Liên Hợp Quốc và các nguyên tắc luật pháp quốc tế có toàn quyền khai thác các tài nguyên của họ theo các chính sách mà họ đề ra; và có trách nhiệm bảo đảm rằng các hoạt động trong phạm vi thẩm quyền hay kiểm soát của họ không làm phương hại đến môi trường của các quốc gia khác hoặc các khu vực không thuộc thẩm quyền quốc gia.</p> <p>Điều 8</p> <p>Mỗi một Bên ký kết sẽ làm đến mức tối đa và thích đáng các việc:</p> <p>Thành lập một hệ thống các khu bảo tồn hoặc các khu cần áp dụng các biện pháp đặc biệt để bảo toàn đa dạng sinh học.</p> <p>Khôi phục và phục hồi các hệ sinh thái đã xuống cấp và xúc tiến khôi phục lại các loài đang bị đe dọa.</p> <p>Ngăn chặn việc đưa vào lưu hành, kiểm soát hoặc tiêu diệt triệt để các loài lạ đe dọa tới các hệ sinh thái, môi trường sống tự nhiên hoặc các loài.</p> <p>Triển khai hoặc duy trì các quy định pháp luật cần thiết hoặc các điều khoản điều chỉnh khác để bảo vệ các loài và lượng quần cư đang bị nguy cơ.</p>	Bộ Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm làm Cơ quan đầu mối quốc gia thực hiện Công ước CBD

Xem tiếp ở trang sau

Bảng 8: Tiếp trang trước

Năm	Tên chính sách	Nội dung	Cơ quan chịu trách nhiệm
1989	Công ước bảo tồn những vùng đất ngập nước có tầm quan trọng quốc tế đặc biệt như là nơi cư trú của các loài chim nước (RAMSAR)	<p>Mục đích của Công ước RAMSAR được các Bên tham gia thông qua năm 1999 và được điều chỉnh năm 2002 là “Bảo tồn và sử dụng một cách khôn khéo các vùng đất ngập nước thông qua hành động của địa phương, của khu vực, của quốc gia và hợp tác quốc tế nhằm góp phần đạt được mục tiêu phát triển bền vững trên toàn thế giới”.</p> <p>Điều 2</p> <p>Ở nơi nào mà một Bên tham gia vì lợi ích quốc gia cấp thiết của mình mà xoá bỏ hoặc hạn chế bớt ranh giới vùng đất ngập nước đã đưa vào Danh mục thì Bên đó phải đền bù tối đa mọi tổn thất về tài nguyên đất ngập nước và nhất là phải tạo lập các khu dự trữ thiên nhiên bổ sung cho loài chim nước và để giữ được, ở tại vùng đó nay ở nơi khác, một tỷ lệ thỏa đáng của nơi cư trú ban đầu</p> <p>Các Bên tham gia, thông qua việc quản lý, sẽ cố gắng làm tăng trưởng số lượng chim nước ở các vùng đất ngập nước thích hợp.</p> <p>Điều 7</p> <p>Đại diện của các Bên tham gia tại những Hội nghị như vậy phải là những người là chuyên gia về đất ngập nước hoặc chim nước có kiến thức và kinh nghiệm về nghiên cứu khoa học, quản lý hành lý hành chính hoặc các lĩnh vực thích hợp khác.</p>	<p>Bộ Tài nguyên và Môi trường tiến hành kiểm kê, đánh giá hiện trạng các vùng đất ngập nước trên toàn quốc và đề xuất vùng đất ngập nước quan trọng cần khoanh vi, bảo vệ.</p> <p>Nhóm công tác quốc gia về đất ngập nước tham mưu xây dựng các văn bản, chính sách và các hoạt động về quản lý, bảo tồn và sử dụng khôn khéo đất ngập nước.</p>

Nguồn: Chính phủ Việt Nam (1994a, 1994b, 1989)

3 Cơ hội về quản lí và bảo tồn động vật hoang dã

3.1 Chính phủ dành nhiều sự quan tâm hơn đối với các hoạt động bảo vệ động vật hoang dã

Theo Phạm và cộng sự (2021b), ngày càng có nhiều cơ quan chính phủ ở Việt Nam dành nhiều sự quan tâm chính trị hơn cho vấn đề động vật hoang dã, bằng chứng là nhiều chính sách hướng dẫn thực thi pháp luật đã được đưa ra và đã tạo được khung pháp lý đồng bộ giữa các tỉnh trong việc giải quyết các vi phạm về động vật hoang dã. Theo đánh giá của Ban thư ký CITES, hệ thống luật pháp quản lý Động vật Hoang Dã của Việt Nam được xếp loại A (loại tốt), tương đối đầy đủ ở nhiều mức độ từ chính sách, văn bản luật và dưới luật, bao trùm các khía cạnh: chế độ quản lý ĐVHD; danh mục loài nguy cấp, quý hiếm; chế tài xử lý; phân công trách nhiệm quản lý ĐVHD và có những quy định, hướng tiếp cận đa ngành, xuyên biên giới, nhằm giải quyết các nguyên nhân phức tạp gây mất đa dạng sinh học và vấn đề quản lý động vật hoang dã không bền vững (WCS 2016, NFGA 2016, Jiao và cộng sự 2021). Hệ thống chính sách về Bảo vệ Động Thực vật hoang dã đã được ban hành tương đối sớm, từ những năm 2000 và luôn được bổ sung, hoàn thiện để phù hợp với tình hình thực tế ở Việt Nam và phù hợp với các Công ước quốc tế mà Việt Nam tham gia như CBD, CITES,...(Nguyễn và cộng sự 2008). Ngoài ra, chính phủ Việt Nam cũng chủ trương áp dụng công nghệ kỹ thuật số để quản lý động vật hoang dã tốt hơn.

Phần 2 cho thấy Việt Nam có 6 Bộ Luật, trải dài 7 ngành, bao gồm: Lâm nghiệp, Sinh học, Chăn nuôi/ Thú y, Đầu tư, Thủy sản, Xuất - Nhập khẩu, Xử lý vi phạm, cùng nhiều Công ước quốc tế, với hơn 20 văn bản quy phạm pháp luật quy định về việc quản lý Buôn bán Động vật hoang dã nguy cấp, quý, hiếm với những cập nhật, bổ sung thường xuyên và tiến bộ. Việt Nam sẽ thường xuyên sửa đổi, bổ sung, cập nhật Danh mục Động vật Hoang dã quý, hiếm cần được ưu tiên bảo vệ để có thể quản lý và bảo tồn đa dạng sinh học đang ngày càng giảm tại Việt Nam, ví dụ như mới đây là Nghị định 84/2021/NĐ-CP và trước đó có Nghị định 64/2019/NĐ-CP. Bên cạnh đó, Việt Nam đã được các học giả toàn cầu ca ngợi là một trong những quốc gia tiên phong (cùng với Trung Quốc, Hàn Quốc, Bolivia và Gabon) trong việc áp dụng các biện pháp kịp thời khẩn cấp đối mặt với COVID thông qua tăng cường khuôn khổ pháp lý về buôn bán động vật hoang dã (Booth và cộng sự 2021; Amaël và cộng sự 2020) với Nghị định số 84/2021/NĐ-CP ngày 22/09/2021. Ngoài ra, Việt Nam cũng sửa đổi Bộ luật Hình sự năm 2017 (Luật số 12/2017/QH14) với việc tăng gấp 40 lần mức phạt tiền (khoảng 15 tỷ VNĐ) và mức phạt tù tối đa cũng tăng gấp 3 lần lên đến 15 năm đối với các tội danh liên quan đến các loài nguy cấp, quý hiếm (Jiao và cộng sự 2021).

Với hệ thống chính sách đó, Việt Nam đã và đang tiến tới việc quản lý hiệu quả hơn các hoạt động khai thác, gây nuôi, xuất khẩu, nhập khẩu Động vật và Thực Vật Hoang Dã. Theo CITES Dashboard 2021, Số lượng động vật, thực vật có nguồn gốc từ trồng cấy nhân tạo và gây nuôi hợp pháp đã tăng nhiều trong thời gian qua. Ở nhiều nơi, hoạt động khai thác, nuôi, trồng Động vật và Thực Vật Hoang Dã đã mang lại việc làm và thu nhập cho nhiều gia đình, nhiều cộng đồng và bước đầu góp phần vào phát triển kinh tế và xóa đói giảm nghèo ở địa phương (Nguyễn và cộng sự 2008).

3.2 Bảo tồn đa dạng sinh học và động vật hoang dã nhận được hỗ trợ của nhiều tổ chức trong nước và quốc tế

Các hoạt động bảo tồn đa dạng sinh học và hỗ trợ vườn quốc gia và khu bảo tồn tại Việt Nam nhận được sự hỗ trợ về tài chính và kỹ thuật của nhiều tổ chức quốc tế (Giacomo và cộng sự 2001). Các hỗ trợ này đã giúp các cơ quan chính phủ hoàn thiện các kế hoạch quản lý và bảo tồn đa dạng sinh học, nâng cao nhận thức của các bên có liên quan về tầm quan trọng của đa dạng sinh học, vườn quốc gia và khu bảo tồn đối với sự phát triển kinh tế xã hội.

Ngoài các tổ chức quốc tế, sự hình thành và phát triển của các tổ chức phi chính phủ ở địa phương cũng tạo ra nguồn lực mới cho công tác bảo tồn. Các tổ chức xã hội dân sự cũng tham gia tích cực vào quá trình giám sát buôn bán và gây nuôi động vật hoang dã. Theo đó, việc thực thi pháp luật đã được tăng cường theo thời gian.

3.3 Những nguồn tài chính mới để bảo tồn Động vật hoang dã bền vững

Phạm và cộng sự (2018) nhấn mạnh rằng ngân sách nhà nước chỉ đóng góp 29% tổng vốn đầu tư cho ngành lâm nghiệp và hầu hết kinh phí cho hoạt động bảo tồn rừng đến nay là từ ngân sách ngoài nhà nước, đặc biệt là từ các nguồn tài trợ quốc tế như ODA, FDI, tư nhân (49%). Các sáng kiến tài chính hiện đang được áp dụng trong nước như Chi trả Dịch vụ Môi trường Rừng (PFES) và chương trình Giảm phát thải do mất rừng và suy thoái rừng (REDD+) đều phải tuân thủ khuôn khổ Warsaw trong đó nhấn mạnh đa dạng sinh học là những lợi ích quan trọng. Nguồn thu tiềm năng từ những sáng kiến này có thể hỗ trợ cho các hoạt động bảo tồn đa dạng sinh học. Theo đại diện Bộ Tài nguyên và Môi trường (Bộ TNMT) tham gia đối thoại chính sách, Việt Nam hiện cũng đang tìm hiểu các nguồn tài chính mới như trái phiếu xanh, chứng khoán rừng, huy động tài chính của khu vực tư nhân để thực hiện các chính sách và biện pháp bảo tồn động vật hoang dã. Đại diện các tổ chức phi chính phủ quốc tế tham gia các cuộc đối thoại chính sách cũng nhấn mạnh thêm rằng để ứng phó với COVID và tránh đại dịch trong tương lai, các nhà tài trợ toàn cầu đã dành các nguồn tài trợ ngày càng lớn cho nghiên cứu động vật hoang dã và điều này có thể giúp tăng cường giám sát và đánh giá đa dạng sinh học cho Việt Nam (Phạm và cộng sự 2021c).

3.4 Nhận thức của người dân về bảo tồn đa dạng sinh học và động vật hoang dã đã được cải thiện

Các thế hệ trẻ có sở thích tiêu dùng xanh hơn và chế độ ăn đã dần loại bỏ các sản phẩm có nguồn gốc từ động vật (Phạm và cộng sự 2020). COVID-19 cũng được những người tham gia đối thoại chính sách coi là lời cảnh báo cho nhiều người Việt Nam và ngày càng có nhiều báo cáo ghi nhận sự ủng hộ của cộng đồng trong việc đóng cửa thị trường động vật hoang dã. Những thay đổi trong lối sống và nhận thức tốt hơn về sự tương tác giữa con người-hệ sinh thái-động vật tạo điều kiện thuận lợi cho việc quản lý động vật hoang dã bền vững (Phạm và cộng sự 2021c). Các cơ quan chính quyền các tỉnh ở Việt Nam cũng nhấn mạnh việc nâng cao nhận thức của người dân địa phương về bảo vệ động vật hoang dã, thông qua các chiến dịch tập trung và COVID-19, đã giúp cho ngày càng có nhiều động vật hoang dã được người dân địa phương giao nộp lại cho cơ quan Nhà nước (Phạm và cộng sự 2021a).

Nhiều trang trại ở Việt Nam đã tham gia vào hoạt động nuôi động vật hoang dã từ nhiều thế hệ và có kiến thức sâu rộng về cách điều trị bệnh và tăng cường nhân giống thành công các loài nguy cấp quý hiếm; những kiến thức mà lực lượng kiểm lâm không có. Nhờ vậy, các trang trại này đã giúp tăng dân số của nhiều loài quý hiếm và có nguy cơ tuyệt chủng. Bên cạnh đó, việc mở các khu nghỉ dưỡng sinh thái và safari đang ngày càng nhận được nhiều sự quan tâm, trong đó các công ty có các khu safari quy mô lớn để nuôi động vật hoang dã, nhân viên thú y và nhân viên vận hành được đào tạo bài bản về bảo tồn động vật hoang dã (Phạm và cộng sự 2021a).

4 Thách thức trong việc thực các chính sách liên quan đến quản lí và bảo tồn động vật hoang dã

Các văn bản quy phạm pháp luật, một số chế tài nghiêm khắc quy định về việc buôn bán động vật hoang dã đã áp dụng từ lâu và rộng rãi trên toàn bộ lãnh thổ quốc gia, tuy vậy, tình trạng buôn bán động vật hoang dã tại Việt Nam vẫn không có chiều hướng suy giảm mà thậm chí còn gia tăng (Hình 2).

Hình 2: Số lượng vụ vi phạm pháp luật về buôn bán động vật hoang dã tại Việt Nam giai đoạn 2015- 2020

Nguồn: EIA (2021)

4.1 Hệ thống quản lí Khu bảo tồn và Vườn Quốc Gia và quá trình thực hiện công hoạt động bảo tồn đa dạng sinh học còn gặp nhiều khó khăn

Một trở ngại lớn cho công tác bảo tồn đa dạng sinh học tại Việt Nam đó là các vườn quốc gia và khu bảo tồn thường xuyên phải đối mặt với việc thiếu ngân sách vận hành và cơ sở vật chất thiếu thốn (Giacomo và cộng sự 2001). Các bên có liên quan tham gia thảo luận trong diễn đàn chính sách chỉ ra rằng với ngân sách và phương thức quản lí hiện nay, các vườn quốc gia và khu bảo tồn chỉ đủ nguồn lực để thực hiện các hoạt động hành chính chứ chưa thực sự tập trung vào công tác bảo tồn. Nhiều nghiên cứu trước đây cũng chỉ ra rằng năng lực chuyên môn và công tác của cán bộ kiểm lâm còn thấp đặc biệt là trình độ chuyên môn quản lí khu bảo tồn một cách cơ bản (Brunner 2012). Trong thực tế tầm quan trọng của việc bảo tồn động vật hoang dã cũng bị xem nhẹ khi các biện pháp khuyến khích và xử phạt không chú trọng tới công tác này. Ví dụ, một cán bộ kiểm lâm có thể bị xử phạt nếu để rừng bị cháy nhưng chỉ bị phạt nhẹ thậm chí không phải chịu trách nhiệm nào nếu để tình trạng săn bắn động vật hoang dã xảy ra (Brunner 2012).

Hài hòa hóa các chính sách bảo tồn và phát triển cũng là một thách thức lớn trong việc bảo tồn đa dạng sinh học. Với các chính sách hiện nay, các cơ quan cấp tỉnh được khuyến khích phát triển kinh tế và với cơ chế phân bổ tài chính dựa vào tiêu chuẩn phát triển kinh tế đã đặt ra nhiều thách thức cho

công tác bảo tồn (Giacomo và cộng sự 2001). Các chính sách phát triển kinh tế nông nghiệp, phát triển một số sản phẩm nông nghiệp cạnh tranh trên thị trường như cà phê và các mặt hàng thủy sản cũng là nguyên nhân chính dẫn tới phá rừng và suy thoái rừng, ảnh hưởng nghiêm trọng đến các chỉ số đa dạng sinh học của Việt Nam (Phạm và cộng sự 2019a, 2019b). Sự gia tăng dân số, nạn phá rừng vì lợi ích thương mại, chặt củi tràn lan, buôn bán động vật bất hợp pháp, chuyển đổi nông nghiệp và săn bắn đã kết hợp để tiêu diệt tất cả các loài linh trưởng ở Việt Nam (Lois và Vu 1998). Ngoài ra các hoạt động sản xuất công nghiệp gây ra ô nhiễm nước và rác thải cũng làm suy thoái chất lượng và số lượng của các hệ sinh thái tài nguyên thiên nhiên (Giacomo và cộng sự 2001).

4.2 Quản lý các hoạt động buôn bán động vật hoang dã hợp pháp

Trong một thời gian dài, việc phát triển các hoạt động buôn bán, các trang trại nuôi động vật hoang dã trở thành một định hướng nâng cao thu nhập của người dân và hỗ trợ các tỉnh thực hiện các mục tiêu xóa đói giảm nghèo (Phạm và cộng sự 2021b).

Theo CITES (2021), ba loài Việt Nam xuất nhập khẩu nhiều nhất là Động vật có vú, Bò sát và Cá. Mỗi năm số cá thể thuộc loài Động vật có vú, Bò sát, Cá được buôn bán quốc tế cũng lên tới hàng chục nghìn cá thể, đặc biệt là số lượng cá thể Bò sát được xuất khẩu có trung bình là hàng trăm nghìn cá thể mỗi năm, có năm lên tới 1 tỷ cá thể (Hình 3 và Hình 4).

Tuy nhiên, có thể thấy số liệu cung cấp từ phía Việt Nam về số lượng cá thể xuất khẩu và số liệu công bố từ các nước nhập khẩu về các cá thể này là khác nhau, thể hiện sự khó khăn trong việc theo dõi, giám sát và đánh giá số lượng cá thể đã được xuất khẩu từ Việt Nam.

Hình 3: Số cá thể động vật hoang dã được nhập khẩu theo số liệu báo cáo của các quốc gia khác nhập khẩu từ Việt Nam

Nguồn: CITES (2021)

Hình 4: Số cá thể động vật hoang dã được nhập khẩu theo số liệu báo cáo của Việt Nam

Trong 3 loài xuất nhập khẩu, các động vật có vú có nguồn gốc từ tự nhiên có xu thế tăng đối với các sản phẩm nhập khẩu trong giai đoạn 2014 - 2018 (Hình 5, 6, 7). Điều này làm dấy lên lo ngại rằng Việt Nam trở thành nơi “rửa trôi” và hợp thức hóa các sản phẩm hoang dã từ nước ngoài.

Hình 5: Nguồn gốc của các cá thể Động vật có vú được xuất, nhập khẩu theo báo cáo của Việt Nam

Nguồn: CITES 2021

Hình 6: Nguồn gốc của các cá thể bò sát được xuất, nhập khẩu theo báo cáo của Việt Nam

Nguồn: CITES 2021

Hình 7: Nguồn gốc của các cá thể cá được xuất, nhập khẩu theo báo cáo của Việt Nam

Nguồn: CITES Dashboards 2021

4.3 Quản lý buôn bán động vật hoang dã bất hợp pháp tại Việt Nam

Hiện nay ở Việt Nam, hoạt động buôn bán trái phép động vật hoang dã hết sức phức tạp và tinh vi, hoạt động theo đường dây buôn bán với nhiều mắt xích. Những người dân địa phương cấu kết với tội phạm nước ngoài; các công ty xuất, nhập khẩu hay du lịch; thậm chí là Quan chức chính phủ trong các chuyến công du, công tác;... cũng có thể là một phần của hoạt động buôn bán động vật hoang dã trái phép tại Việt Nam (The National Assembly of Vietnam 2019). Các hoạt động buôn bán động vật hoang dã vận chuyển hàng hóa trái phép bằng nhiều hình thức vận tải: đường bộ, đường thủy hay thậm chí là đường hàng không (Hình 8). Có những trường hợp, hình thức vận chuyển tồn tại dưới hình thức gửi quà về Việt Nam cùng với du học sinh, khách du lịch,...; gửi quà cho người nhận ở Việt Nam. Chính vì thế, nếu hàng hóa bị phát hiện và thu giữ, thì người nhận có thể từ chối đơn hàng và trốn tránh trách nhiệm (The National Assembly of Vietnam 2019).

Hình 8: Hình thức vận chuyển của các vụ Buôn bán Động vật Hoang dã bất hợp pháp (2015-2020)

Nguồn: EIA (2021)

Trong 5 năm từ năm 2015 đến năm 2020, số vụ buôn bán động vật hoang dã bất hợp pháp bị bắt tăng gấp 5 lần, kể cả khi Luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi năm 2017) có hiệu lực về quy định nặng hơn các mức xử phạt đối với hành vi buôn bán động vật hoang dã thì vẫn chưa có dấu hiệu hạ thấp (EIA 2021). Cùng với đó, tổng khối lượng hàng cấm gồm ít nhất 39 tấn ngà voi, tương đương với khoảng 5947 cá thể; 8 tấn sừng Tê giác; da, xương và các sản phẩm khác có nguồn gốc từ ít nhất 79 cá thể hổ; ít nhất 51 tấn cơ thể và vảy tê tê (EIA 2021).

Hoạt động Buôn bán Động vật Hoang dã xuất hiện ở hầu hết các tỉnh, địa bàn địa lý Việt Nam, trong đó, Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh bắt giữ được nhiều trường hợp vi phạm Buôn bán, Tàng trữ Động vật Hoang dã trái phép nhất. Xếp sau đó là các tỉnh, địa phương giáp biên giới như Gia Lai với 37 vụ bắt giữ, Quảng Ninh với 34 vụ bắt giữ,... (Hình 9). Trong năm 2020, do giãn cách xã hội và chính sách đóng cửa Biên giới vì COVID 19, số vụ buôn bán Động vật Hoang dã ở các thành phố Hà Nội và Hồ Chí Minh có sự sụt giảm, thay vào đó, tội phạm buôn bán Động vật Hoang dã hoạt động nhiều hơn ở các tỉnh tiếp giáp Biên giới và biển, như Gia Lai, Đắk Lắk, Lâm Đồng,... (Hình 10).

Hình 9: Tổng số vụ án qua các tỉnh trong 6 năm (2015-2020)

Nguồn: EIA (2021)

Hình 10: Số vụ án được báo cáo lại ở các tỉnh (2015-2020)

Nguồn: EIA (2021)

Hình 11: 4 loài động vật buôn bán trái phép nhiều nhất trong giai đoạn 2018 - 2020

Nguồn: CITES 2020

Đặc biệt từ năm 2018 đến năm 2020, có tới 107 tội phạm vi phạm hình sự về tội Buôn bán Động vật Hoang dã với số lượng lớn bị bắt, đa số bị bắt tại thành phố Hà Nội, Quảng Ninh, Hà Tĩnh, Kiên Giang,... với số lượng tang vật được thu giữ lên tới hơn 4500 cá thể tê tê, 1800kg ngà voi, 56,5kg sừng tê giác,... Các vụ bắt giữ các cá thể tê tê trái phép diễn ra ở nhiều tỉnh trải dài từ Nam ra Bắc, trong đó, tỉnh bắt giữ nhiều nhất là Hà Tĩnh và Quảng Ninh. Các vụ bắt giữ các cá thể hổ trái phép diễn ra tập trung ở 3 tỉnh: Bắc Ninh, Hà Nội và Quảng Ninh, trong đó tỉnh bắt giữ nhiều nhất là Hà Nội với 7 vụ án. Các vụ bắt giữ buôn bán ngà voi trái phép diễn ra ở 4 tỉnh: Buôn Mê Thuột, Cao Bằng, Hà Nội và Vĩnh Phúc; trong đó, tỉnh có số vụ bắt giữ nhiều nhất vẫn là Hà Nội với 17 vụ án. Các vụ bắt giữ buôn bán trái phép sừng tê giác chỉ có ở Cần Thơ, Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh; trong đó Hà Nội có nhiều vụ án được phát hiện nhất là 4 vụ. Những loài này đều thuộc Danh sách Đỏ của Việt Nam và Phụ lục I (cấm bất kỳ hoạt động buôn bán) của CITES, cũng như đang đứng trước nguy cơ tuyệt chủng, hoặc đã tuyệt chủng tại Việt Nam (CITES 2020).

Các số liệu, phân tích về sự gia tăng của những vụ án buôn bán động vật hoang dã ngày nay đã cho thấy sự kém hiệu quả trong Luật pháp và việc thực hiện các chính sách quản lý, phòng tránh và ngăn chặn buôn bán động vật hoang dã. Một số điều khoản trong các Văn bản quy phạm pháp luật không rõ ràng, khó hiểu và khó vận dụng; còn có sự chồng chéo trách nhiệm giữa các cơ quan Nhà Nước trong công tác phòng chống, ngăn chặn buôn bán động vật hoang dã;...(Nguyễn và Đình 2020).

4.4 Danh mục các loài động vật hoang dã chưa được thống nhất

Việt Nam hiện nay sử dụng nhiều Danh mục các loài động vật hoang dã, trong đó có Danh mục của CITES được quy định trong Công Ước CITES và Danh mục thuộc Nghị định 06/2019/NĐ-CP; Nghị định 160/2013/NĐ-CP; Nghị định 64/2019/NĐ-CP, Nghị định số 84/2021/NĐ-CP (Bảng 9).

Bảng 9: Quy định danh mục các loài động vật hoang dã

Tên văn bản pháp luật	Quy định chi tiết
CITES	<p>Phụ lục 1: Loài bị đe dọa tuyệt diệt do hoặc có thể do buôn bán</p> <p>Phụ lục 2: Tất cả những loài mặc dù hiện chưa bị đe dọa tuyệt diệt nhưng có thể dẫn đến đó nếu việc buôn bán những mẫu vật của những loài đó không tuân theo những quy chế nghiêm ngặt nhằm tránh việc sử dụng không phù hợp với sự tồn tại của chúng</p> <p>Phụ lục 3: Tất cả các loài mà các nước thành viên quy định theo luật pháp của họ nhằm ngăn chặn hoặc hạn chế việc khai thác và cần thiết phải có sự hợp tác với các nước thành viên khác để kiểm soát việc buôn bán</p>
Nghị định 06/2019/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2019 về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về Buôn bán Quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp	<p>Nhóm IB: Các loài động vật rừng bị đe dọa tuyệt chủng nghiêm cấm khai thác, sử dụng vì mục đích thương mại và các loài thuộc Phụ lục I CITES phân bố tự nhiên tại Việt Nam. (92 loài động vật)</p> <p>Nhóm IIB: Các loài động vật rừng chưa bị đe dọa tuyệt chủng nhưng có nguy cơ bị đe dọa nếu không được quản lý chặt chẽ, hạn chế khai thác, sử dụng vì mục đích thương mại và các loài thuộc Phụ lục II CITES phân bố tự nhiên tại Việt Nam. (87 loài động vật)</p> <p>Phụ lục I quy định thêm, Động vật là F2 của Động vật Hoang dã tại Phụ lục I sau được sinh sản tại cơ sở nuôi sinh sản đã được cấp mã số CITES có thể được buôn bán.</p>
Nghị định 160/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ về tiêu chí xác định loài và chế độ quản lý loài thuộc Danh mục nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ	<p>Loài thuộc Danh mục loài được ưu tiên bảo vệ phải đáp ứng các tiêu chí sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Số lượng cá thể còn ít hoặc bị đe dọa tuyệt chủng 2. Là loài đặc hữu hoặc có một trong các giá trị đặc biệt về khoa học; y tế; kinh tế; sinh thái; cảnh quan; môi trường và văn hóa - lịch sử <p>Danh mục Động vật Hoang dã không chia theo nhóm IB hay IIB như Nghị định 06/2019/NĐ-CP mà sắp xếp chung vào một Danh mục Động vật gồm 83 loài nguy cấp, quý, hiếm cần được ưu tiên bảo vệ</p>
Nghị định 64/2019/NĐ-CP sửa đổi Điều 7 Nghị định 160/2013/NĐ-CP về tiêu chí xác định loài và chế độ quản lý loài thuộc danh mục nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ	<p>Bổ sung Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ trong Nghị định 160/2013/NĐ-CP.</p> <p>Thêm một 16 loài động vật hoang dã nguy cấp, quý, hiếm. Bao gồm: Họ Khi, Họ Vượn, Họ Cây, Họ Trĩ, Họ Rẽ, Họ Hồng hoàng, Họ Tắc kè, Họ Thằn lằn cá sấu, Họ Rùa đầu to.</p>
Nghị định số 84/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi CITES với một số điểm mới	<p>Danh mục Động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm trong nghị định 06/2019/NĐ-CP được chia theo nhóm IB và IIB</p> <p>Nhóm IB: Bổ sung thêm Nghị định 06/2019/NĐ-CP, thành 105 loài</p> <p>Nhóm IIB: Chính sửa Nghị định 06/2019/NĐ-CP, thành 81 loài</p>

4.5 Các quy định thiếu nhất quán trong việc xuất nhập khẩu động vật hoang dã

Hình 12, 13, 14 thể hiện các quy định xuất nhập khẩu, tái xuất và nhập nội theo CITES

Hình 12: Quy trình nhập khẩu, xuất khẩu

Hình 13: Quy trình tái xuất

Hình 14: Quy trình nhập nội

4.6 Chưa có sự thống nhất về hình thức xử phạt Buôn bán Động vật Hoang dã và mức phạt còn thấp chưa mang đủ tính răn đe

Bảng 10: So sánh các hình thức xử lý buôn bán động vật trái phép được quy định trong luật

	Các loài thuộc Phụ lục I	Các loài thuộc Phụ lục II CITES và IIB
BLHS 2015 (Sửa đổi 2017)	<ul style="list-style-type: none"> Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm. Tùy vào sự nghiêm trọng của các hành vi theo Khoản 2.198 và 3.199 thì án phạt nặng hơn, cao nhất là 12 năm tù 	<ul style="list-style-type: none"> Phạt tiền từ 500.000.000 đồng đến 2.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm. Tùy vào sự nghiêm trọng của các hành vi vi phạm nặng hơn được quy định tại Khoản 2.231, 3.232 thì án phạt sẽ tăng lên, cao nhất là hình phạt 15 năm tù
Nghị định 35/2019/NĐ-CP:		<ul style="list-style-type: none"> Đối với động vật rừng, bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của động vật rừng thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, trị giá đến dưới 7.000.000 đồng, phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng Đối với động vật rừng, bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của động vật rừng thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, trị giá từ 7.000.000 đồng đến dưới 15.000.000 đồng, phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng

Theo các chuyên gia tham gia vào Thảo luận chính sách thì hình phạt chưa đủ nghiêm trọng, nếu so sánh với lợi nhuận từ việc buôn bán động vật hoang dã thì còn chưa đủ cao. Theo Điều 21 Nghị định số 35/2019/NĐ-CP, hình phạt hành chính cao nhất đối với việc buôn bán động vật hoang dã trái phép các loài động vật hoang dã là phạt tiền từ 15 - 25 triệu đồng. Trong khi đó, theo Bộ Luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi 2017) thì hình phạt vi phạm hình sự cao nhất là 15 năm tù. Có thể thấy, Buôn bán trái phép động vật hoang dã ở Việt Nam đã trở thành một hoạt động kinh doanh rủi ro thấp và lợi nhuận cao.

4.7 Nhiều Cơ quan Nhà Nước cùng có chức năng, trách nhiệm chồng chéo trong Hoạt động điều tra, quản lý Hoạt động Buôn bán Động vật Hoang dã

Theo Điều 21 Pháp lệnh Tổ chức điều tra hình sự, Cơ quan Kiểm lâm là cơ quan chịu trách nhiệm chính trong việc tổ chức và trực tiếp điều tra về các vụ án buôn bán động vật hoang dã trái phép. Tuy vậy, do những thiếu hụt trong kỹ năng (Chưa được đào tạo chuyên sâu về kỹ năng điều tra hình sự), nguồn lực (Thiếu cán bộ Thanh tra pháp chế, người chức danh theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự,...), Cơ sở vật chất (Nhà tạm giữ,...),... cũng như với tính chất thương mại quốc tế của Hoạt động buôn bán động vật hoang dã trái phép, Cơ quan Kiểm lâm phải phối hợp với Cơ quan Hải quan, Cơ quan Công an và Biên phòng ngay từ khâu trao đổi thông tin, phối hợp, tập huấn, xử lý và bắt giữ bởi vì hầu hết các vụ án bắt giữ buôn bán động vật trái phép hiện nay đều nằm dưới thẩm quyền và chức năng của các Cơ quan này.

Bên cạnh đó, Cơ quan Hải quan, Công an và Biên phòng, chưa có các cán bộ có năng lực về quản lý nuôi Động vật Hoang dã, trong khi các cán bộ kiểm lâm địa bàn phụ trách quản lý hoạt động nuôi Động vật Hoang dã phải tốt nghiệp các trường đào tạo về thú ý, sinh học, sinh thái Động vật hoang dã. Ngoài ra cán bộ Hải quan, Công an và Biên phòng còn thiếu kỹ năng trong nhận biết Động vật hoang

đã. Chính vì thế, cả 4 cơ quan Nhà Nước: Cơ quan Kiểm lâm, Cơ quan Hải quan, Cơ quan Công an và Biên phòng đều có chức năng, trách nhiệm trong Công tác Điều tra, Quản lý Buôn bán Động vật Hoang dã. Điều này đã gây nhiều bất lợi cho Công tác Điều tra, Quản lý Buôn bán Động vật Hoang dã do chưa có cơ chế hợp tác chặt chẽ, hiệu quả giữa các Cơ quan Nhà Nước có chức năng với nhau. Dẫn đến việc chậm trễ trong công tác điều tra và giám sát và khó có thể quy trách nhiệm, hình phạt, khen thưởng đối với các Cơ quan, Đơn vị tham gia vào Công tác điều tra và quản lý.

Ngoài ra công tác bảo tồn đa dạng sinh học, quản lý và bảo tồn động vật hoang dã còn gặp nhiều khó khăn khi thiếu năng lực thực thi pháp luật, khung pháp lý không rõ ràng, thiếu minh bạch, trách nhiệm giải trình và công bằng, hạn chế phối hợp giữa các cơ quan chính quyền địa phương, sự tham gia hạn chế của cộng đồng và trình độ quản lý còn yếu (Le và cộng sự 2018, Dương và cộng sự 2021).

4.8 Hạn chế trong việc Thực thi Khởi tố các vụ án về Buôn bán Động vật Hoang dã trái phép

Theo Nghị định 157/2013/NĐ-CP quy định xử phạt hành chính về quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản chỉ quy định về thẩm quyền xử phạt của các lực lượng Công an, Biên phòng, Kiểm lâm, chưa quy định thẩm quyền xử phạt của lực lượng Hải quan. Theo Điều 153, Điều 163 Bộ Luật Tố tụng Hình sự năm 2015 và Điều 234, 244 Bộ Luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi năm 2017), Hải quan và Cơ quan Kiểm lâm chỉ có thẩm quyền tố tụng hình sự đối với một số tội danh buôn bán Động vật hoang dã trái phép, trong đa số trường hợp, phải chuyển giao kết quả điều tra, hồ sơ vụ án cho Cơ quan có thẩm quyền tố tụng hình sự là Cơ quan Điều tra và Viện Kiểm sát. Điều này gây bất lợi cho công tác điều tra của cơ quan Hải quan và Kiểm lâm khi hai lực lượng này là hai lực lượng phát hiện và bắt giữ nhiều vụ buôn bán động vật hoang dã trái phép nhất. Việc chờ sự xử lý, khởi tố tội danh cho tội phạm buôn bán động vật hoang dã trái phép khiến Hải quan và Kiểm lâm gặp khó khăn trong việc tạm giữ nhân chứng và vật chứng phục vụ cho việc khởi tố.

4.9 Thiếu sự hợp tác, trao đổi thông tin giữa các cơ quan liên quốc gia

Để có thể điều tra, bắt giữ các dây chuyền, chuỗi hoạt động buôn bán động vật hoang dã bất hợp pháp một cách hiệu quả, việc trao đổi Thông tin giữa các Quốc gia với nhau là điều rất cần thiết. Tuy vậy, các đơn vị nắm giữ dữ liệu thường không chia sẻ những thông tin có giá trị chiều sâu vì sợ lộ thông tin hoặc bị mất uy tín của mình. Bên cạnh đó, Cơ quan Thực thi CITES là cơ quan kết nối Thông tin về mọi hoạt động Buôn bán Động vật Hoang dã đối với các thành viên thuộc Công Ước lại không có thẩm quyền trong việc điều tra, xử lý các Hoạt động Buôn bán Động vật Hoang dã tại Việt Nam. Tuy vậy, cũng chưa có cơ chế về sự phối hợp, hợp tác giữa CITES và các cơ quan có thẩm quyền điều tra, xử phạt tại Việt Nam.

4.10 Thiếu Nguồn lực qua đào tạo để thực hiện việc điều tra, quản lý Hoạt động Buôn bán Động vật Hoang dã

Lực lượng tham gia quản lý bảo vệ rừng, kiểm tra, kiểm soát các hành vi vi phạm chế độ quản lý động vật hoang dã còn gặp nhiều khó khăn khi thiếu các nguồn lực được đào tạo qua kỹ năng công nghệ thông tin. Trong vài năm gần đây, các vi phạm về buôn bán trái phép ĐVHD trên mạng Internet đang gia tăng một cách đáng báo động. Việc mua bán qua mạng có lợi thế là người bán dễ dàng tiếp cận, quảng cáo đến người mua và che dấu danh tính của người bán đặc biệt là bán qua các mạng xã hội (Thiên Ngọc 2021). Điều này đặt ra yêu cầu xử lý nghiêm minh các đối tượng vi phạm này nhằm răn đe, phòng ngừa tội phạm về ĐVHD. Tại Việt Nam chưa có các chuyên ngành đào tạo về nhân lực về quản lý ĐVHD nuôi hoặc bác sỹ thú y về ĐVHD. Các cán bộ được giao trách nhiệm quản lý các cơ sở gây nuôi ĐVHD năng lực hạn chế và không đủ trình độ chuyên môn và chưa chú trọng đến thực hiện các đề tài nghiên cứu về nuôi sinh sản, sinh trưởng ĐVHD (Vương 2018).

4.11 Nhu cầu sử dụng sản phẩm từ ĐVHD vẫn còn cao

Quan điểm của xã hội về vấn đề nhu cầu sử dụng và nuôi thương mại ĐVHD còn có sự khác nhau. Có thể nói rằng việc nuôi ĐVHD là hoạt động có truyền thống khá lâu ở Việt Nam (Giacomo và cộng sự 2001). Trong bối cảnh Việt Nam là nước có xuất phát điểm thấp, nông nghiệp (trong đó có chăn nuôi) vẫn chiếm trọng lớn trong nông nghiệp. Văn hoá, cơ cấu lao động vùng miền tác động lớn đến hoạt động nuôi ĐVHD. Tại các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long và đồng Nam Bộ, nơi chiếm đến 70% cơ sở nuôi ĐVHD trên cả nước; văn hoá địa phương từ lâu đã xem ĐVHD như sản vật vùng ngập nước, đặc biệt mùa lũ như ba ba nam bộ, trăn, rắn các loại mà cư dân địa phương có “quyền khai thác” tự do. Bên cạnh đó, các chiến dịch nâng cao nhận thức được tài trợ không có tác động rõ rệt đến nhu cầu đối với các sản phẩm từ động vật hoang dã. Giả thuyết về việc tầng lớp trung lưu đang ngày càng Tây hóa sẽ làm giảm nhu cầu đối với các sản phẩm từ Động vật hoang dã là sai lầm, tầng lớp trung lưu tại Việt Nam và Trung Quốc vẫn đang thúc đẩy cuộc tàn sát tê giác ở Nam Phi và săn bắt trộm rùa biển quý mô lớn ở biển Đông (Brunner 2012). Các thị trường có nhu cầu lớn vẫn thúc đẩy hoạt động gây nuôi trái pháp luật ĐVHD bao gồm Trung Quốc, EU, Nhật bản, Hàn quốc, Hoa kỳ, nơi ĐVHD được sử dụng làm thực phẩm, công nghiệp thời trang, vật nuôi và nghiên cứu y sinh. Các thị trường lớn sẽ thúc đẩy hoạt động nuôi thương mại ĐVHD ở quy mô công nghiệp (Phạm và cộng sự 2021b),

4.12 Quản lý trang trại động vật hoang dã không bền vững.

Ở Việt Nam, các trang trại nhận nuôi thương mại động vật hoang dã phải tuân thủ việc chứng minh nguồn gốc con giống và nguồn gốc trang trại khi xuất bán, tuy nhiên nhiều chủ trang trại vẫn thu mua nguồn động vật có nguồn gốc hoang dã nhằm phục vụ nhu cầu nhân giống và buôn bán thương mại trá hình (Brooks và cộng sự 2010, You 2020). Việc nuôi động vật hoang dã thuộc các loài được bảo vệ được liệt kê trong nhóm IB trong Nghị định 06/2019/NĐ-CP và bản cập nhật Nghị định 84/2021/NĐ-CP cần đăng ký với CITES Việt Nam, và nhóm IIB cần đăng ký với Chi cục Kiểm lâm. Trong khi nuôi các loài thông thường cần báo cho Hạt Kiểm lâm huyện, tuy nhiên, theo những người tham gia đối thoại chính sách, việc tìm nguồn cung cấp động vật hoang dã và tiêu thụ đang diễn ra phổ biến bởi giám sát chỉ dựa trên số lượng được ghi nhận trên giấy tờ. Hơn nữa, việc thiếu các hướng dẫn chi tiết về tiêu chuẩn chăn nuôi, chuồng trại và an toàn sinh học khiến việc quản lý các trang trại động vật hoang dã trở nên khó khăn hơn, tiềm ẩn nguy cơ sức khỏe cộng đồng. Các chuyên gia tham gia đối thoại chính sách cũng đề cập đến vấn đề tham nhũng và yếu kém về thực thi pháp luật như một rào cản chính để quản lý bền vững và hiệu quả chăn nuôi trang trại động vật hoang dã. Hơn nữa, Việt Nam không có quy định về phúc lợi động vật trong khi những người tham gia đối thoại chính sách coi đây là rào cản lớn đối với việc quản lý động vật hoang dã bền vững.

4.13 Giám sát, báo cáo và xác minh kém hiệu quả.

Dữ liệu về thực trạng đa dạng sinh học, buôn bán động vật hoang dã hợp pháp và bất hợp pháp, buôn bán điện tử và trực tiếp ở Việt Nam rất hạn chế và không được cập nhật (Giles và cộng sự 2006, Van và cộng sự 2019, Phạm và cộng sự 2021b). Dữ liệu hiện có về tội phạm động vật hoang dã thường được báo cáo không đầy đủ và thể hiện đúng số lượng lớn động vật hoang dã bị săn bắt và buôn bán (Yiming và Dianmo 1998) hoặc chỉ phản ánh một phần của chuỗi giá trị động vật hoang dã phức tạp (OECD 2019, Jiao và cộng sự 2021). Việc giám sát và thực thi pháp luật ở Việt Nam cũng được đánh giá là kém hiệu quả do chính sách chồng chéo, thiếu nguồn lực để thực thi, sự hợp tác xuyên quốc gia và giữa các ngành kém hiệu quả, và có các biểu hiện của lợi ích nhóm và tham nhũng (To 2009; Nguyen và cộng sự 2019). Thực tế cũng cho thấy có nhiều quan niệm cho rằng quản lý khu bảo tồn là có rất ít động vật hoang dã có khả năng (hoặc có thể xem được) là còn lại để cứu và do đó có rất ít động lực để chính phủ thực hiện công việc tốt hơn (Brunner 2012).

5 Đề xuất

Để thực hiện công tác bảo tồn đa dạng sinh học, quản lý và bảo tồn động vật hoang dã, Chính phủ Việt Nam và các bên có liên quan cần xem xét một số hoạt động sau.

Xây dựng các chính sách phù hợp chú trọng vào bảo tồn các loài Động vật Hoang dã nguy cấp, quý, hiếm. Động vật hoang dã bị đe dọa trên toàn cầu ở Việt Nam có thể được chia thành hai nhóm chính (i) các loài hầu hết được IUCN đánh giá là Cực kỳ nguy cấp (CR) và là loài đặc hữu hoặc phần lớn là đặc hữu của Việt Nam (Loại 1) và (ii) các loài hầu hết được đánh giá là Nguy cấp (EN), mà Việt Nam nằm ngoài khả năng sinh tồn của chúng, nhưng vẫn giữ được ý nghĩa văn hóa (Loại 2). Với nguồn lực tài chính và con người hạn chế và để giảm thiểu nguy cơ tuyệt chủng, các chính sách và nguồn tài chính nên tập trung ưu tiên và đặt trọng tâm vào bảo tồn các loài Loại 1 (Brunner 2012). Các loài Loại 1 này đòi hỏi sự bảo vệ chặt chẽ, liên tục, quản lý và giám sát chuyên sâu, đặc biệt, trong một số trường hợp, cần phải hỗ trợ sinh sản (Giacomo và cộng sự 2001). Để đảm bảo các điều kiện sinh cảnh và sinh thái cần thiết cho bảo tồn động vật hoang dã, cần có các chính sách hỗ trợ Vườn quốc gia và Khu bảo tồn. Bên cạnh các ưu thế của các khu bảo tồn trên cạn, hiện nay cần phải chú ý đến đất ngập nước và các hệ sinh thái biển bởi đây là một trong những môi trường sống bị đe dọa nhiều nhất ở Việt Nam (BirdLife, FIPI, 2001). Bên cạnh đó, tùy theo điều kiện cụ thể của từng khu rừng đặc dụng, cần có sự quan tâm, hỗ trợ để hình thành và phát triển kinh tế - xã hội vùng đệm cũng như đẩy mạnh và lồng ghép công tác bảo tồn vào quy hoạch phát triển tổng thể. Phát triển kinh tế xã hội trong các trường hợp ưu tiên bảo tồn phải tính đến sự gia tăng dân số và nhập cư (BirdLife, FIPI, 2001). Ngoài việc nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật, theo dõi và giám sát tình trạng mua bán động vật hoang dã, thu thập dữ liệu tuần tra và hiện trường vụ án do kiểm lâm thu thập, các giải pháp chống tội phạm động vật hoang dã có thể được xây dựng tốt hơn dựa trên kiến thức và nhận thức tình huống của kiểm lâm, đặc biệt là tăng cường mối quan hệ và hợp tác giữa kiểm lâm với cộng đồng địa phương trong việc phát hiện và xử lý các trường hợp vi phạm (Rizzolo và cộng sự 2021).

Nâng cao hiệu quả quản lý các khu bảo tồn thông qua mô hình đồng quản lý và thúc đẩy sự tham gia của các bên có liên quan. Để nâng cao hiệu quả công tác bảo tồn, mô hình đồng quản lý với sự tham gia của cộng đồng địa phương được nhiều học giả đề cập đến như một giải pháp hữu hiệu để thực hiện mục tiêu này (Giacomo và cộng sự 2001; Polet và Ling 2004). Phạm và cộng sự (2021) cũng nhấn mạnh về sự song hành giữa các chính sách bảo tồn động vật hoang dã cần đi đôi với thực hiện công bằng xã hội và môi trường. Xây dựng và thực hiện cơ chế chia sẻ lợi ích phù hợp với nguyện vọng và nhu cầu của người dân sống quanh rừng và phụ thuộc vào rừng sẽ tạo ra động lực tài chính và xã hội khuyến khích người dân tham gia vào bảo vệ và phát triển rừng (Walde và cộng sự 2019). Hiện nay các vườn thú và vườn quốc gia của Việt Nam còn thiếu kinh nghiệm và tài chính trong lĩnh vực bảo tồn. Chính vì thế, Việt Nam cần thúc đẩy hợp tác với các Vườn thú và Vườn quốc gia trên thế giới có khả năng cung cấp hỗ trợ cho các dự án cụ thể đối với các loài bị đe dọa và cho phép cung cấp thiết bị và tài chính, cũng như đào tạo trong và ngoài nước cho cán bộ của vườn quốc gia (Peter và Adler 1995).

Đa dạng hóa trong cách tiếp cận và áp dụng nhiều công cụ chính sách tổng hợp

Phạm và cộng sự (2021) cho rằng cần có cách tiếp cận đa ngành và kết hợp hài hòa giữa nhiều công cụ chính sách như cách tiếp cận Một Sức khỏe, áp dụng công cụ tài chính như thuế, chi trả dịch vụ môi trường rừng đi kèm với các công cụ theo dõi, giám sát, đánh giá và thẩm định, các cơ chế khuyến khích sự tham gia của các thành phần kinh tế xã hội. Ngoài ra, cần thực hiện các biện pháp kiểm soát chặt chẽ đối với tất cả các trang trại động vật hoang dã hiện có ở Việt Nam và đóng cửa những trang trại không đạt tiêu chuẩn tối thiểu hoặc gây ra những rủi ro đối với các quần thể hoang dã

(Brunner 2012). Việc xác định cụ thể loài nào có thể được nuôi hợp pháp (IUCN đã xuất bản hướng dẫn kỹ thuật về quản lý các quần thể để bảo tồn) và đảm bảo rằng các trung tâm nhân giống đóng góp trực tiếp vào việc bảo tồn trong tự nhiên cũng nên được lưu ý trong thời gian tới. Các giải pháp xây dựng mô hình và ngành công nghiệp du lịch sinh thái, quan sát và thăm quan động vật hoang dã, vốn trở thành thu nhập chính của nhiều quốc gia trên thế giới đặc biệt là Châu Phi cũng cần được xem xét và áp dụng tại Việt Nam. Chính phủ cũng nên xem xét hỗ trợ cho các tổ chức bảo tồn để có điều kiện tiếp cận với nguồn tài chính và cơ sở vật chất đảm bảo cho công tác bảo tồn. Phối hợp và hợp tác xuyên biên giới là xu thế tất yếu và là công cụ chính sách quan trọng để giải quyết tổng thể và toàn diện vấn đề buôn bán động vật hoang dã bất hợp pháp liên quốc gia. Việc tiến hành các nghiên cứu tâm lý học tội phạm liên quan đến săn bắn, mua bán, tiêu thụ và sử dụng các sản phẩm động vật hoang dã cũng sẽ giúp chính phủ xây dựng các giải pháp phòng chống tội phạm hiệu quả hơn (Viollaz và cộng sự 2021). Các hành động bảo tồn trong tương lai cũng cần hướng tới nâng cao năng lực quản lý và giải quyết các nguyên phá rừng và suy thoái rừng bởi đây là nguyên nhân chính dẫn đến sự suy giảm đa dạng sinh học (Pedrono và cộng sự 2009).

Đảm bảo nguồn tài chính bền vững cho các hoạt động bảo tồn. Các cơ chế xây dựng quỹ bảo tồn với nguồn hỗ trợ từ trong và ngoài nước, các dự án hợp tác công tư từ cả khối hành chính công và khối tư nhân, các mô hình chi trả dịch vụ môi trường rừng đều cần được khuyến khích phát triển (Phan 2001). Hiện nay các dự án hỗ trợ thường tập trung vào phát triển các chương trình kinh tế xã hội hỗ trợ cộng đồng vùng đệm nhưng đảm bảo nguồn tài chính để Vườn quốc gia và Khu bảo tồn có thể thực hiện hoạt động bảo tồn trong phạm vi Vườn quốc gia và Khu bảo tồn cũng rất cần thiết và cần phải được tiến hành song song với phát triển vùng đệm. Hiện nay nhiều vườn quốc gia đang xây dựng các mô hình du lịch sinh thái để gia tăng nguồn thu cho bảo tồn, nhưng cần có các chiến lược phát triển du lịch sinh thái bền vững để đảm bảo áp lực từ các hoạt động du lịch không ảnh hưởng tới các hoạt động bảo tồn (Le và cộng sự 2018).

Tài liệu tham khảo

- Amaël B, Jeffrey Mc, Kit M, Jennifer RBM, Lindsay P, Trishna D, Krishnakumar PK, Sandeep S, Ghazala S, Fikty A, Gerard ER, Alice H, Aini HAM, Ahmad ZAW, Damber B, Suchana AC, Ju LC, George AG, Hanyeh G, Yadav G, Vijaya KJ, Ambika PK, Monsoon, K, Murali K, Ngwe L, Prakash KP, Chinara S, Tommaso S, Bharat BS, Colin TS, Makamas S, Ee PW, Thamasak Y, Natasha ZZ, Li Z. 2020. COVID-19 Highlights the Need for More Effective Wildlife Trade Legislation. *Trends in Ecology & Evolution* 35 (12): 1052-1055.
- Booth H, Arias M, Brittain S, Challender D, Khanyari M, Kuiper T, Li Y, Olmedo A, Oyanedel R, Pienkowski T, Milner-Gulland EJ. 2021. Saving Lives, Protecting Livelihoods, and Safeguarding Nature”: Risk-Based Wildlife Trade Policy for Sustainable Development Outcomes Post-COVID-19. *Front. Ecol. Evol.*
- Brooks EGE, Robertson SI, Bell DJ. 2010. The conservation impact of commercial wildlife farming of porcupines in Vietnam. *Biol. Conserv.* 143: 2808-2814. 10.1016/j.biocon.2010.07.03
- Biodiversity Action Plan. 1995. Socialist Republic of Vietnam.
- Birdlife International & FIPI. 2001. Sourcebook of Existing and Potential Protected Areas in Vietnam. Birdlife International Vietnam Programme and Forest Inventory and Planning Institute. Hanoi, Vietnam
- CITES Vietnam. 2020. Implementation report 2018-2020. <https://cites.org/sites/default/files/documents/18-20VietNam.pdf>
- CITES. 2021. CITES Trade Data Dashboards. Trang tổng quan dữ liệu thương mại của CITES
- Chính phủ Việt Nam. 1989. Công ước bảo tồn những vùng đất ngập nước có tầm quan trọng quốc tế đặc biệt như là nơi cư trú của các loài chim nước (RAMSAR). Hà Nội, Việt Nam: Chính phủ Việt Nam
- Chính phủ Việt Nam. 1994a. Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp (CITES). Hà Nội, Việt Nam: Chính phủ Việt Nam.
- Chính phủ Việt Nam. 1994b. Công ước toàn cầu về đa dạng sinh học (Công ước CBD). Hà Nội, Việt Nam: Chính phủ Việt Nam.
- Chính phủ Việt Nam. 2004. National Action Plan on strengthening wildlife trade management to 2010 [Kế hoạch hành động quốc gia về tăng cường quản lý buôn bán động, thực vật hoang dã đến năm 2010]. Labour Publishing House, Hanoi, Vietnam.
- Chính phủ Việt Nam. 2010. Nghị định 65/2010/NĐ-CP ngày 11/6/2010 Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đa dạng sinh học. Hà Nội, Việt Nam: Chính phủ Việt Nam.
- Chính phủ Việt Nam. 2013a. Nghị định 160/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ về tiêu chí xác định loài và chế độ quản lý loài thuộc Danh mục nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ. Hà Nội, Việt Nam: Chính phủ Việt Nam.
- Chính phủ Việt Nam. 2013b. Luật Hải quan. Hà Nội, Việt Nam: Chính phủ Việt Nam
- Chính phủ Việt Nam. 2013c. Nghị định 127/2013 quy định xử phạt vi phạm hành chính và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính trong lĩnh vực hải quan. Hà Nội, Việt Nam: Chính phủ Việt Nam
- Chính phủ Việt Nam. 2014. Chỉ thị số 03/CT-TTg về việc tăng cường chỉ đạo và thực hiện các biện pháp kiểm soát, bảo tồn các loài động vật hoang dã nguy cấp, quý, hiếm. Hà Nội, Việt Nam: Chính phủ Việt Nam.
- Chính phủ Việt Nam. 2015a. Bộ Luật Tố tụng Hình sự. Hà Nội, Việt Nam: Chính phủ Việt Nam
- Chính phủ Việt Nam. 2015b. Luật Tổ chức Cơ quan Điều tra Hình sự. Hà Nội, Việt Nam: Chính phủ Việt Nam
- Chính phủ Việt Nam. 2015c. Luật Thú y. Hà Nội, Việt Nam: Chính phủ Việt Nam
- Chính phủ Việt Nam. 2016a. Chỉ thị số 28/CT-TTg về một số giải pháp cấp bách phòng ngừa, đấu tranh với hành vi xâm hại các loài động vật hoang dã trái pháp luật. Hà Nội, Việt Nam: Chính phủ Việt Nam

- Chính phủ Việt Nam. 2016b. Quyết định số 811/QĐ-BNN-TCTS phê duyệt Kế hoạch hành động bảo tồn rùa biển Việt Nam giai đoạn 2016-2025. Hà Nội, Việt Nam: Chính phủ Việt Nam
- Chính phủ Việt Nam. 2016c. Nghị định 45/2016/NĐ-CP Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 127/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính trong lĩnh vực hải quan. Hà Nội, Việt Nam: Chính phủ Việt Nam
- Chính phủ Việt Nam. 2017a. Luật Lâm nghiệp. Hà Nội, Việt Nam: Chính phủ Việt Nam
- Chính phủ Việt Nam. 2017b. Luật Thủy sản. Hà Nội, Việt Nam: Chính phủ Việt Nam
- Chính phủ Việt Nam. 2017c. Bộ Luật Hình sự. Hà Nội, Việt Nam: Chính phủ Việt Nam.
- Chính phủ Việt Nam. 2018a. Nghị định 156/2018/NĐ-CP về hướng dẫn luật Lâm nghiệp. Hà Nội, Việt Nam: Chính phủ Việt Nam
- Chính phủ Việt Nam. 2018b. Luật Đa dạng sinh học. Hà Nội, Việt Nam: Chính phủ Việt Nam.
- Chính phủ Việt Nam. 2018c. Quyết định số 2713/QĐ-BNN-TCLN ngày 10/7/2018 Ban hành kế hoạch hành động ngà voi, sừng tê giác giai đoạn 2018-2020; Thực hiện theo cam kết quốc tế mà VN là thành viên. Hà Nội, Việt Nam: Chính phủ Việt Nam.
- Chính phủ Việt Nam. 2018d. Nghị quyết 05/2018/NQ-HĐTP hướng dẫn áp dụng Điều 234 về tội vi phạm về bảo vệ ĐVHD và Điều 244 về tội vi phạm về Bảo vệ ĐVHD của Bộ Luật Hình sự. Hà Nội, Việt Nam: Chính phủ Việt Nam
- Chính phủ Việt Nam. 2018. Luật Chăn nuôi. Hà Nội, Việt Nam: Chính phủ Việt Nam
- Chính phủ Việt Nam. 2019a. Nghị định 01/2019/NĐ-CP về kiểm lâm và lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng. Hà Nội, Việt Nam: Chính phủ Việt Nam
- Chính phủ Việt Nam. 2019b. Nghị định 06/2019/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2019 về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về Buôn bán Quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp. Hà Nội, Việt Nam: Chính phủ Việt Nam
- Chính phủ Việt Nam. 2019c. Nghị định 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật thủy sản. Hà Nội, Việt Nam: Chính phủ Việt Nam
- Chính phủ Việt Nam. 2019d. Nghị định 42/2019/NĐ-CP ngày 16/5/2019 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản. Hà Nội, Việt Nam: Chính phủ Việt Nam
- Chính phủ Việt Nam. 2019e. Nghị định số 35/2019/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp. Hà Nội, Việt Nam: Chính phủ Việt Nam
- Chính phủ Việt Nam. 2020a. Chỉ thị số 29/CT-TTg về một số giải pháp cấp bách quản lý động vật hoang dã năm 2020. Hà Nội, Việt Nam: Chính phủ Việt Nam.
- Chính phủ Việt Nam. 2020b. Luật Đầu tư. Hà Nội, Việt Nam: Chính phủ Việt Nam.
- Chính phủ Việt Nam. 2021. Nghị định số 84/2021/NĐ-CP ngày 22/09/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi CITES với một số điểm mới. Hà Nội, Việt Nam: Chính phủ Việt Nam
- Duong TK, Peter JS. Jones, Paul Ekins. 2021. A Governance analysis of Con Dao National Park, Vietnam. Marine Policy 127, 103986. <https://doi.org/10.1016/j.marpol.2020.103986>.
- EIA Dashboard. 2021. Global Environmental Crime Tracker. Global Environmental Crime Tracker - EIA
- Jiao Y, Yeophantong P and Lee TM. 2021. Strengthening International Legal Cooperation to Combat the Illegal Wildlife Trade Between Southeast Asia and China. Front. Ecol. Evol. <https://doi.org/10.3389/fevo.2021.645427>
- Giacomo R, Sahlee B, Martin G. 2001. A Review of the Protected Area System of Vietnam. ResearchGate. https://www.researchgate.net/publication/237708428_A_Review_of_the_Protected_Area_System_of_Vietnam
- Giles BG, Ky TS, Do HH, Vincent ACJ. 2006. The catch and trade of seahorses in Vietnam. In: Hawksworth DL, Bull AT, ed. Human Exploitation and Biodiversity Conservation. Topics in Biodiversity and Conservation 3. Springer, Dordrecht. https://doi.org/10.1007/978-1-4020-5283-5_10
- Le TA, Janusz M, Maciej B. 2018. The comparative analyses of selected aspects of conservation and management of Vietnam's national parks. <http://hdl.handle.net/11089/27275>

- Lois KL và Vu NT. 1998. Primate Conservation in Vietnam. The Natural History of the Doucs and Snub-Nosed Monkeys. https://doi.org/10.1142/9789812817020_0016
- [MARD] Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. 2008. 4th Country Report Vietnam's Implementation of the Biodiversity Convention. vn-nr-04-en (cbd.int)
- [MARD] Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. 2018. Kế hoạch hành động được Ban hành theo Quyết định số 2713/QĐ-BNN-TCTL ngày 10/7/2018 của Bộ trưởng Bộ NN & PTNT.
- NFGA. 2016. China-Vietnam training seminar held in Guilin recently. Beijing: China Forestry Publishing.
- Nguyễn DH and Đinh TM. 2020. Legal framework for wildlife farming benefits species conservation and preventing wildlife crimes in Vietnam. Web of Conferences 175. <https://doi.org/10.1051/e3sconf/202017503025>
- Nguyễn MH, Vũ VD, Nguyễn VS, Hoàng VT, Nguyễn HD, Phạm NT, Trần TH và Đoàn C. 2008. Báo cáo về đánh giá một số tác động về môi trường, kinh tế và xã hội của các chính sách quốc gia về buôn bán động vật, thực vật hoang dã ở Việt Nam. CRES/FPD/UNEP/CITES/IUED, Hà Nội, Việt Nam. https://cites.org/sites/default/files/common/prog/policy/Vietnam_wildlife_trade_policy_review_vn.pdf
- Nguyen VS, Vu NH, Dinh VT, Thai VH, Nguyen TMP, Thai TKO, Vuong TKH, Nguyen TT. 2019. Vietnam, the big market and cross bridges of illegal wildlife trade in Asia: Causes and solutions. AgBioForum, 21(3):35-47.
- Peter WP, Adler HJ. 1995. Allwetter Zoo, Munster: Wildlife conservation activities in Vietnam. International Zoo Yearbook 34(1): 130-135. <https://doi.org/10.1111/j.1748-1090.1995.tb00670.x>
- Pedrono M, Tuan HM, Chouteau P and Vallejo F. 2009. Status and distribution of the Endangered banteng *Bos javanicus birmanicus* in Vietnam: a conservation tragedy. Oryx, Cambridge University Press 43(4): 618–625. doi: 10.1017/S0030605309990147.
- Phạm TT, Vũ TP, Phạm ĐC, Đào LHT, Nguyen VT, Hoàng NVH, Hoàng TL, Đào TLC và Nguyen DT. 2019a. Cơ hội và thách thức đối với quản lý rừng ngập mặn tại Việt Nam: Bài học từ các tỉnh Thanh Hóa, Thái Bình và Quảng Ninh. Báo cáo chuyên đề 198. Bogor, Indonesia: CIFOR.
- Phạm TT, Hoàng TL, Nguyen DT, Dao TLC, Ngo HC and Phạm VH. 2019b. The context of REDD+ in Vietnam: Drivers, agents and institutions 2nd edition. Occasional Paper 196. Bogor, Indonesia: CIFOR.
- Phạm TT, Ngô HC, Hoàng MH, Williams P, Hoàng TL và Đào TLC. 2020. Chiến lược và chính sách phát triển lâm nghiệp thế giới: Định hướng của 53 quốc gia. Báo cáo chuyên đề 261. Bogor, Indonesia: CIFOR
- Phạm TT, Tăng TKH, TKN, Đặng HP, Nguyễn TTA, TVA, Trần NMH, Hoàng TL. 2021a. COVID-19 impacts, opportunities and challenges for wildlife farms in Binh Duong and Ba Ria Vung Tau, Vietnam.
- Phạm TT, Trần YL, Nguyễn TKN, Tăng TKH, Đặng HP. 2021b. Giá trị kinh tế của hoạt động thương mại liên quan đến động vật hoang dã tại Việt Nam. Info brief 335. DOI: 10.17528/cifor/008093
- Phạm TT, Phạm VT, Trịnh TM, Cao NL, Nguyễn TTA, Nguyễn TVA, Tăng TKH, Nguyễn VT. 2021c. Nâng cao hiệu quả thực hiện chính sách và bảo tồn động vật hoang dã bền vững và toàn diện. Bogor, Indonesia: CIFOR.
- Phan Thu Huong. 2001. Protected Areas and Economic Development. Paper presented at the Vietnam Roundtable Discussion of a Critical Review of Protected Areas and Their Role in Socio-Economic Development in the Four Countries of the Lower Mekong River Region. September 14, 2001.
- Polet G và Ling S. 2004. Protecting mammal diversity: opportunities and constraints for pragmatic conservation management in Cat Tien National Park, Vietnam. Oryx, 38(2), 186-196. doi:10.1017/S003060530400033X
- RILO A/P. Báo cáo Phân tích số 2/2014 được phát hành 29/9/2014. RILO 2.3.5: 26.
- Rizzolo JB, Gore ML, Long B, Trung CT, Kempinski J, Rawson B, Huyền HT, Viollaz J. 2021. Protected Area Rangers as Cultural Brokers? Implications for Wildlife Crime Prevention in Viet Nam. Frontiers in Conservation Science 2: 51. DOI: 10.3389/fcosc.2021.698731

- The National Assembly. 2019. Handbook on wildlife conservation policy: Summary report. Hanoi, Vietnam: The National Assembly. http://www.changewildlifeconsumers.org/site/assets/files/1553/200318_national_assembly_handbook_for_conservation_policy-vietnam.pdf
- Thiên Ngọc. 2021. Báo động nạn buôn bán động vật hoang dã. Báo Công an. Truy cập ngày 3/11/2021. https://congan.com.vn/vu-an/phong-su/bao-dong-nan-buon-ban-dong-vat-hoang-da_102668.html
- To XP. 2009. Why did the forest conservation policy fail in the Vietnamese uplands? Forest conflicts in Ba Vi National Park in Northern Region, *International Journal of Environmental Studies*, 66:1, 59-68, DOI: 10.1080/00207230902759988
- Trần LP. 2001. Protected Areas and Environment Planning. Paper Presented at the Vietnam Roundtable Discussion of a Critical Review of Protected Areas and Their Role in Socio-Economic Development in the Four Countries of the Lower Mekong River Region.
- Van TP, Luu VQ, Tien TV, Leprince B, Khanh LTT, Luiselli L. 2019. Longitudinal monitoring of turtle trade through Facebook in Vietnam. *Herpetological Journal* 29(1).
- Vương TM. 2018. Tăng cường quản lý hoạt động gây nuôi động vật hoang dã nguy cấp, quý, hiếm tại Việt Nam. Cơ quan Quản lý CITES Việt Nam.
- VietnamNet Bridge. 2012. Sea conversation strategy remains on paper. SGT. <http://english.vietnamnet.vn/en/environment/17887/sea-conversation-strategy-remains-on-paper.html>
- Viollaz J, Long B, Trung CT. 2021. Using crime script analysis to understand wildlife poaching in Vietnam. *Ambio* 50: 1378–1393. <https://doi.org/10.1007/s13280-020-01498-3>
- Walde JF, Huy DT, Tappeiner U, Tappeiner G. 2019. A protected area between subsistence and development. *International Journal of the Commons* 13(1):175–204. DOI: <http://doi.org/10.18352/ijc.844>
- Workman C. 2004. Primate Conservation in Vietnam: Toward a Holistic Environmental Narrative. *AnthroSource*. <https://doi.org/10.1525/aa.2004.106.2.346>
- World Bank. 2005. Vietnam Environment Monitor 2005: Biodiversity. World Bank.
- [WCS] Wildlife Conservation Society. 2016. Laos, China and Vietnam enhance co operation to combat transnational wildlife trafficking networks. Bengaluru: WCS.
- WWF. 2016. Living planet report 2016 : risk and resilience in a new era. http://awsassets.panda.org/downloads/lpr_living_planet_report_2016.pdf
- Yiming L, Dianmo L. 1998. The dynamics of trade in live wildlife across the Guangxi border between China and Vietnam during 1993–1996 and its control strategies. *Biodiversity and Conservation* 7, 895–914. <https://doi.org/10.1023/A:1008873119651>
- You M. 2020. Changes of China's regulatory regime on commercial artificial breeding of terrestrial wildlife in time of COVID-19 outbreak and impacts on the future. *Biological*.

DOI: 10.17528/cifor/008315

Các báo cáo kỹ thuật của CIFOR bao gồm các kết quả nghiên cứu sơ bộ hoặc nâng cao về các vấn đề về rừng ở các khu vực nhiệt đới và cần được công bố vào thời điểm thích hợp để tạo ra và thúc đẩy các cuộc thảo luận. Nội dung báo cáo đã được rà soát nội bộ nhưng chưa trải qua quá trình bình duyệt từ các chuyên gia bên ngoài tổ chức.

Trước bối cảnh quốc tế, khu vực, quốc gia và địa phương ngày càng phức tạp, Việt Nam đang nỗ lực hoàn thiện hành lang pháp lý và nâng cao hiệu quả của chính sách quản lý và bảo tồn động vật hoang dã. Ngoài việc đảm bảo các chính sách quốc gia hài hòa với khung pháp lý quốc tế và khu vực, việc đánh giá hiệu quả thực hiện chính sách, phân tích cơ hội và thách thức cho việc quản lý và bảo tồn chính động vật hoang dã từ đó hoàn thiện hệ thống văn bản pháp lý, gỡ bỏ các rào cản nâng cao hiệu quả chính sách. Dựa vào rà soát tài liệu thứ cấp và phỏng vấn với chuyên gia, báo cáo này được thực hiện với 3 mục tiêu chính: (i) Rà soát các văn bản hiện hành liên quan đến quản lý và bảo tồn động vật hoang dã tại Việt Nam; (ii) Đánh giá tính hiệu quả thực hiện các chính sách này và (iii) đề xuất định hướng chính sách nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện các chính sách quản lý và bảo tồn động vật hoang dã và đảm bảo đời sống của người dân.

RESEARCH
PROGRAM ON
Forests, Trees and
Agroforestry

Chương trình nghiên cứu CGIAR về Rừng, Cây và Nông lâm kết hợp (FTA) là chương trình nghiên cứu phát triển lớn nhất trên toàn cầu nhằm nâng cao vai trò của rừng, cây, và nông lâm kết hợp trong phát triển bền vững, đảm bảo an ninh lương thực và thích ứng và giảm thiểu biến đổi khí hậu. CIFOR điều phối FTA và hợp tác với ICRAF, Liên minh đa dạng sinh học quốc tế, CIAT, CATIE, CIRAD, INBAR và TBI.

Các nghiên cứu của FTA cũng nhận được sự tài trợ của Quỹ Ủy thác CGIAR: cigar.org/funders/

cifor.org | forestsnews.cifor.org

Tổ chức Nghiên cứu Lâm nghiệp Quốc tế (CIFOR)

CIFOR thúc đẩy sự phồn vinh của nhân loại, cải thiện bảo vệ môi trường và thúc đẩy sự bình đẳng thông qua tiến hành các nghiên cứu sáng tạo, nâng cao năng lực của các bên đối tác, tích cực tham gia đối thoại với các bên liên quan để hỗ trợ định hình chính sách và thực tiễn tác động tới rừng và con người. CIFOR là tổ chức nghiên cứu thuộc liên minh CGIAR và chủ trì các chương trình nghiên cứu của CGIAR về Rừng, Cây gỗ và Nông lâm kết hợp (FTA). Trụ sở chính của CIFOR đặt tại Bogor, Indonesia và các văn phòng của CIFOR có mặt tại Nairobi, Kenya; Yaounde, Cameroon; Lima, Peru và Bonn, Germany.